

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

Sinh viên : **Phạm Thị Lý**

Giảng viên hướng dẫn: **Tiến sĩ Lê Văn Liên**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,  
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Lý  
Giảng viên hướng dẫn: Tiến sĩ Lê Văn Liên**

**HẢI PHÒNG - 2011**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Phạm Thị Lý

Mã SV:110393

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
  - Khái quát những vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phhs và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.
  - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.
  - Đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen
  
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Số liệu của tháng 11 năm 2010 của công ty cổ phần nhựa Hyphen.
  
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty cổ phần nhựa Hyphen

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên: Lê Văn Liên

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Cơ quan công tác: Khoa quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội

Nội dung hướng dẫn:

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 28 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Phạm Thị Lý

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

Lê Văn Liên

***Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 .năm 2011***

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị***

**PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

- 1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**  
Sinh viên Phạm Thị Lý có tinh thần tích cực, thái độ nghiêm túc trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp. Sinh viên cũng đảm bảo yêu cầu tiến độ hoàn thành của khoá luận.
  
- 2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**
  - Khái quát được lý luận chung về công tác tổ chức doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  - Mô tả được tình hình chung của Doanh nghiệp bao gồm cả tổ chức công tác kế toán của đơn vị thực tập.
  - Trình bày được các phân hành kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
  - Đưa ra được những kiến nghị phù hợp với điều kiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.
  
- 3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**  
9.9 ( Chín điểm chín)

*Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2011*

**Cán bộ hướng dẫn**  
*(họ tên và chữ ký)*

***Lê Văn Li ên***

## LỜI NÓI ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương án kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Để đứng vững và phát triển trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt, doanh nghiệp phải nắm bắt và đáp ứng được tâm lý, nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm có chất lượng cao, giá thành hạ, mẫu mã phong phú, đa dạng chủng loại. Muốn vậy, các doanh nghiệp phải giám sát tất cả các quy trình từ khâu mua hàng đến khâu tiêu thụ hàng hóa để đảm bảo việc bảo toàn và tăng nhanh tốc độ luân chuyển vốn, giữ uy tín với bạn hàng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, doanh nghiệp đảm bảo có lợi nhuận để tích lũy mở rộng phát triển sản xuất kinh doanh.

Hơn thế nữa nhu cầu tiêu dùng trên thị trường hiện nay đòi hỏi doanh nghiệp phải tạo ra doanh thu có lợi nhuận. Muốn vậy thì doanh nghiệp phải sản xuất ra cái thị trường cần chứ không phải cái mà doanh nghiệp có và tự đặt ra cho mình những câu hỏi: “Sản xuất cái gì? Sản xuất cho ai? Sản xuất như thế nào? Sản xuất bao nhiêu?”

Trong điều kiện đó, kế toán trở thành một công cụ vô cùng quan trọng, bằng hệ thống các phương pháp khoa học kế toán đã thể hiện được tính ưu việt của mình trong việc bao quát tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp một cách đầy đủ và chính xác. Trên cơ sở đó, ban Giám đốc, các nhà quản lý có thể đưa ra các quyết định đúng đắn, những chiến lược phát triển phù hợp với tình hình của doanh nghiệp. Để thu được lợi nhuận cao nhất, Doanh nghiệp đặc biệt quan tâm đến rất nhiều vấn đề trong quá trình sản xuất cũng như trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. Là một công ty sản xuất, Công ty Cổ phần nhựa Hyphen cũng hiểu rõ được vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác kế toán. Do đó, công ty đã cố gắng tuyển dụng, đào tạo đội ngũ kế toán có trình độ nghiệp vụ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh đó cũng trang bị đầy đủ những máy móc thiết bị hiện đại phục vụ cho công tác kế toán được nhanh gọn, tiện lợi



mang lại hiệu quả cao; sử dụng hệ thống sổ sách và phương pháp hạch toán phù hợp với điều kiện cụ thể của công ty và đảm bảo tuân thủ chế độ.

Sau thời gian tìm hiểu thực trạng hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như bộ máy quản lý của công ty em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty cổ phần nhựa Hyphen nói riêng là bộ phận quan trọng trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Công tác hạch toán kế toán luôn luôn đòi hỏi phải được hoàn thiện, phải có sự quan tâm, nghiên cứu nhằm đưa ra một phương pháp thống nhất, khoa. Vì vậy em quyết định đi sâu vào nghiên cứu công tác kế toán của công ty với đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần nhựa Hyphen”**.

Kết cấu của khóa luận bao gồm 3 chương được trình bày như sau:

**Chương 1:** Những lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần nhựa Hyphen.

**Chương 3:** Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần nhựa Hyphen.

Trong quá trình thực tập, em đã được sự chỉ dẫn, giúp đỡ của các thầy cô bộ môn kế toán, các cô các chú, các anh chị phòng kế toán công ty cổ phần nhựa Hyphen và thầy giáo trực tiếp hướng dẫn - Tiến sĩ Lê Văn Liên. Tuy nhiên, do vốn kiến thức còn hạn chế cùng với thời gian thực tế còn chưa nhiều nên bài khóa luận của em khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo, giúp đỡ của các thầy cô giáo cùng các cô các chú, các anh chị phòng kế toán công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

*Em xin chân thành cảm ơn!*

## CHƯƠNG 1

# NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Khái quát chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Để quản lý tốt hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có rất nhiều công cụ khác nhau, trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu. Tổ chức công tác kế toán khoa học hợp lý là một trong những cơ sở cung cấp thông tin quan trọng nhất cho việc chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Để công cụ kế toán phát huy hết vai trò của mình, đòi hỏi các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến và hoàn thiện hơn nữa công tác kế toán nói chung cũng như kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với doanh nghiệp là một việc làm hết sức cần thiết, giúp nhà quản lý nắm bắt tình hình quản lý chi phí, thực hiện kế toán thu, lợi nhuận và có biện pháp tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### 1.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp

##### 1.1.1.1. Khái niệm và ý nghĩa của doanh thu

➤ *Khái niệm:*

- Doanh thu : là tổng các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

- Doanh thu thuần : được xác định bằng giá trị của các khoản đã thu được sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

➤ *Ý nghĩa:*

Doanh thu có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

- Doanh thu là nguồn tài chính quan trọng đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp tái có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng.
- Doanh thu còn là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện nghĩa vụ với nhà nước như nộp các khoản thuế theo quy định, là nguồn có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác.
- Doanh thu là đòn bẩy kinh tế giúp cho người lao động nhiệt tình làm việc và các đơn vị sản xuất nâng cao năng lực sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm.

#### *1.1.1.2. Các loại doanh thu*

- *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* là số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các hoạt động như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Ở các doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế GTGT, còn ở các doanh nghiệp áp dụng phương pháp tính thuế trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị thanh toán của số hàng đã bán và dịch vụ đã được thực hiện bao gồm cả thuế GTGT.
- *Doanh thu tiêu thụ nội bộ:* là số tiền thu được do bán sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá nội bộ.
- *Doanh thu tài chính:* là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh có liên quan tới hoạt động tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm tiền lãi cho vay, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia, thu nhập từ hoạt động mua bán chứng khoán và doanh thu hoạt động tài chính khác.
- *Thu nhập khác:* là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất, các khoản nợ không ai đòi, nợ

khó đòi đã xoá sổ nay đã đòi được, tiền phạt vi phạm hợp đồng, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ.

### *1.1.1.3. Điều kiện ghi nhận doanh thu và thời điểm ghi nhận doanh thu*

#### *a) Điều kiện ghi nhận doanh thu*

- Ghi nhận doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa:
  - Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:
    - + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
    - + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa
    - + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
    - + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng
    - + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng
  - Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận như:
    - + Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường, mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường
    - + Việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua
    - + Hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành
    - + Khi người mua có quyền hủy bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.
- Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ:
  - Cung cấp dịch vụ: nghĩa là thực hiện những công việc đã thỏa thuận trong hợp đồng.
  - Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy.

- Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch cung cấp dịch vụ
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập B01
- + Xác định được các chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

➤. *Ghi nhận doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia:*

- Tiền lãi: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tiền hoặc các khoản tương đương tiền như: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu...

- Tiền bản quyền: là số tiền thu được phát sinh từ việc cho người khác sử dụng tài sản như: bằng sáng chế, bản quyền tác giả, nhãn hiệu thương mại...

- Cổ tức và lợi nhuận được chia: là số tiền lợi nhuận được chia từ việc nắm giữ cổ phiếu hoặc góp vốn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

- Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

+ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ

+ Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng

+ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức (hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận)

*b) Thời điểm ghi nhận doanh thu*

Khi hàng hóa được xác định là tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Đối với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm bên mua, bên bán thu được tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Với phương thức bán hàng đại lý, ký gửi, thời điểm xác nhận tiêu thụ là khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

#### *1.1.1.4. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp*

Trong điều kiện kinh doanh hiện nay, để đẩy mạnh việc bán hàng, thu hồi nhanh chóng tiền hàng doanh nghiệp cần phải có chế độ khuyến khích đối với khách hàng, nếu khách hàng mua với khối lượng lớn sẽ được hưởng doanh thu chiết khấu, nếu hàng kém phẩm chất thì khách hàng có thể không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Tổng số doanh thu bán hàng sau khi trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu gọi là doanh thu thuần.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

➤ *Chiết khấu thương mại:*

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hoá), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các cam kết mua, bán hàng.

➤ *Giảm giá hàng bán:*

Giảm giá hàng bán: là số tiền giảm trừ cho khách hàng được người bán chấp nhận trên giá đã thỏa thuận vì lý do hàng bán kém phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

➤ *Hàng bán bị trả lại:*

Hàng bán bị trả lại: là số sản phẩm, hàng hóa doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm hợp đồng kinh tế, vi phạm cam kết, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Hàng bán bị trả lại phải có

văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng hàng bị trả lại, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hoá đơn (nếu trả lại một phần hàng). Và đính kèm theo chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

➤ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:*

Thuế TTĐB được đánh vào doanh thu của các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nhập khẩu các mặt hàng, dịch vụ mà Nhà nước không khuyến khích sản xuất và hạn chế tiêu thụ như bia, rượu, thuốc lá, ô tô...

➤ *Thuế xuất khẩu:*

Thuế xuất khẩu được đánh vào tất cả các mặt hàng, dịch vụ trao đổi với nước ngoài, khi xuất khẩu ra khỏi biên giới Việt Nam. Doanh nghiệp trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu thì phải nộp thuế này.

➤ *Thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp:*

Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Doanh thu thuần} & = & \text{DT bán hàng} & - & \text{Chiết khấu TM} & - & \text{DT BH bị trả lại} & - & \text{Giảm giá bán} & - & \text{Thuế TTĐB, thuế XK phải nộp, thuế GTGT trực tiếp} \end{array}$$

*1.1.1.5. Các phương thức bán hàng*

➤ *Phương thức bán hàng trực tiếp.*

Là phương thức giao hàng trực tiếp cho khách hàng tại kho, tại quầy, hay tại phân xưởng sản xuất của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ khi người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán.

➤ *Phương thức chuyển hàng.*

Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Chỉ khi nào người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển

giao, thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu.

➤. *Phương thức giao hàng cho đại lý.*

Là phương thức doanh nghiệp giao hàng cho các đại lý ký gửi để các đại lý này trực tiếp bán hàng. Bên nhận đại lý sẽ trực tiếp bán, thanh toán tiền hàng và hưởng hoa hồng hoặc chênh lệch giá. Số hàng chuyển giao cho các đại lý ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi các đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc gửi thông báo về số hàng đã bán được thì số hàng đó được coi là tiêu thụ.

➤. *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp.*

Bán hàng trả chậm, trả góp là phương thức bán hàng thu tiền nhiều lần. Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua hàng, số tiền còn lại người mua chấp nhận trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ tiếp theo bằng nhau, trong đó gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi trả chậm. Về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho khách và được khách hàng chấp nhận thanh toán, hàng hoá bán được coi là tiêu thụ.

➤. *Phương thức bán đổi hàng.*

Theo phương thức bán đổi hàng, doanh nghiệp đem sản phẩm, hàng hoá của mình để đổi lấy sản phẩm, hàng hoá của khách hàng. Khi doanh nghiệp xuất hàng thì ghi nhận doanh thu bán hàng và thuế GTGT đầu ra, Khi Doanh nghiệp nhận hàng của khách hàng, kế toán phải hạch toán nhập kho và thuế GTGT đầu vào. Giá trao đổi là giá bán sản phẩm, hàng hoá đó trên thị trường.

Doanh thu sản phẩm đem trao đổi = Số lượng sản phẩm đem trao đổi x Giá vốn trên thị trường tại thời điểm thực hiện việc trao đổi



## **1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp**

### *1.1.2.1. Khái niệm và ý nghĩa của chi phí*

➤ *Khái niệm:*

Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán nhất định.

➤ *Ý nghĩa:*

Chi phí có ý nghĩa quan trọng quyết định đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Chi phí giảm thì lợi nhuận tăng. Do vậy, doanh nghiệp cần có biện pháp giảm chi phí tránh lãng phí làm giảm lợi nhuận.

### *1.1.2.2. Các loại chi phí*

- *Giá vốn hàng bán* : Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của sản phẩm, vật tư hàng hóa, lao vụ, dịch vụ tiêu thụ, là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ thì giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

- *Chi phí bán hàng*: là những khoản chi phí phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: gồm tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng

+ Chi phí vật liệu bao bì: là chi phí đóng gói, bảo quản sản phẩm.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: là chi phí về công cụ, dụng cụ, đồ dùng đo lường, tính toán, làm việc ở khâu bán hàng và cung cấp dịch vụ

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: là chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ.

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: là khoản chi phí bỏ ra để sửa chữa, bảo hành sản phẩm, hàng hoá trong thời gian quy định bảo hành.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: là các khoản chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng đại lý.

+ Chi phí bằng tiền khác: là khoản chi phí bằng tiền phát sinh trong khâu tiêu thụ, sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ nằm ngoài các chi phí trả trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo giới thiệu sản phẩm, hàng hoá.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp* : Là những khoản chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung của toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý: gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định.

+ Chi phí vật liệu quản lý: trị giá thực tế các loại vật liệu, nhiên liệu xuất dùng cho hoạt động quản lý của ban giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ của doanh nghiệp, cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí đồ dùng văn phòng: chi phí về dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung của toàn doanh nghiệp.

+ Chi phí khấu hao TSCĐ: khấu hao những TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: văn phòng làm việc, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện truyền dẫn.

+ Thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...và các khoản phí, lệ phí giao thông, cầu phà.

+ Chi phí dự phòng: gồm khoản trích dự phòng, khoản phải thu khó đòi.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: gồm các khoản chi phí về dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài như tiền điện, tiền nước, tiền thuê TSCĐ dùng chung của doanh nghiệp.

+ Chi phí bằng tiền khác: gồm các khoản chi phí khác bằng tiền ngoài các khoản kể trên như chi hội nghị, tiếp khách, chi công tác phí, chi đào tạo cán bộ và các khoản chi phí khác.

- *Chi phí hoạt động tài chính*: là các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động tài chính hoặc chi phí các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán. Các khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ...

- *Chi phí khác*: là các khoản chi phí và các khoản lỗ hay sự kiện hay nghiệp vụ bất thường mà doanh nghiệp không thể dự kiến trước được hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên gồm:

- + Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có).
- + Chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- + Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- + Bị phạt thuế, truy thu thuế
- + Các khoản chi phí khác.

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp*: là loại thuế trực thu đánh vào lợi nhuận của các doanh nghiệp. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm hiện hành.

### **1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

#### *1.1.3.1. Khái niệm*

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định, biểu hiện bằng số tiền lỗ hoặc lãi.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu này được gọi là “lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh”.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả} & & & & \\ \text{hoạt động} & = & \text{DT} & - & \text{Giá vốn} & - & \text{Chi phí} & - & \text{Chi phí quản lý} \\ \text{SXKD} & & \text{thuần} & & \text{hàng bán} & & \text{bán hàng} & & \text{doanh nghiệp} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính (lãi hay lỗ từ hoạt động tài chính) là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập thuần thuộc hoạt động tài chính với các khoản chi phí thuộc hoạt động tài chính.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt động} & & \text{Thu nhập hoạt động} & & \text{Chi phí hoạt động tài} \\ \text{tài chính} & = & \text{tài chính} & - & \text{chính} \end{array}$$

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa thu nhập thuần khác và chi phí khác.

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Thu nhập hoạt} & & \text{Chi phí hoạt} \\ \text{động khác} & = & \text{động khác} & - & \text{động khác} \end{array}$$

### *1.1.3.2. Ý nghĩa của việc xác định kết quả kinh doanh*

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo quy tắc “lấy thu bù chi và có lãi”. Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp. Xác định kết quả kinh doanh và việc so sánh doanh thu thu được với chi phí thì doanh nghiệp sẽ biết được mình kinh doanh có lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là chỉ tiêu kinh tế quan trọng không chỉ cần thiết cho doanh nghiệp mà còn cần thiết cho các đối tượng khác cần quan tâm như các nhà đầu tư, ngân hàng, người lao động, nhà quản lý...

Xác định kết quả kinh doanh là cơ sở xác định các chỉ tiêu kinh tế tài chính, đánh giá tình hình của doanh nghiệp: xác định số vòng luân chuyển vốn, xác định tỷ suất lợi nhuận trên doanh nghiệp... Ngoài ra, nó còn là cơ sở để xác định nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với Nhà nước, xác định cơ cấu phân chia và sử dụng hợp lý, hiệu quả số lợi nhuận thu được, giải quyết hài hoà giữa các lợi ích kinh tế nhà nước, tập thể và cá nhân người lao động.

## **1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

### **1.2.1. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Từ số liệu do kế toán bán hàng cung cấp, Nhà nước sẽ thực hiện việc kiểm tra, giám sát tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp, từ đó đưa ra các công cụ, các chính sách thích hợp nhằm thực hiện các kế hoạch, đường lối phát triển nhanh chóng và toàn diện nền kinh tế quốc dân. Các nhà kinh doanh, nhà cung cấp, nhà

đầu tư sẽ dựa vào đó để nắm bắt được tình hình kinh doanh của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đưa ra các quyết định kinh doanh của mình.

Trong quản lý tài chính ở các doanh nghiệp, hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng vì nó là công cụ không thể thiếu được để thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động về kinh tế tài chính của doanh nghiệp, phục vụ cho yêu cầu quản lý tài chính nhà nước và yêu cầu quản lý kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh doanh của doanh nghiệp.

### **1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Việc ghi chép phản ánh đúng các khoản chi phí, doanh thu rất quan trọng. Bởi nếu không phản ánh đúng, đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sẽ rất khó khăn cho nhà quản trị trong việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc phản ánh các khoản chi phí còn ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp, nó có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh còn thể hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với nhà nước. Vì vậy, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ để cung cấp thông tin kịp thời và chính xác cho người quản lý trong đơn vị để đưa ra các quyết định hữu hiệu đó là:

- Tổ chức tập hợp và phân bổ từng loại chi phí theo đối tượng tập hợp chi phí đã xác định bằng phương pháp thích hợp đã chọn, nhằm cung cấp kịp thời những số liệu thông tin tổng hợp về các khoản mục chi phí và xác định đúng đắn chi phí của sản phẩm dở dang cuối kỳ.
- Xác định đúng và tập hợp đầy đủ chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ, phân bổ hợp lý chi phí cho hàng tiêu thụ trong kỳ để xác định chính xác kết quả bán hàng.
- Tính toán, phản ánh chính xác đầy đủ, kịp thời tổng giá trị thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hoạt động, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc.

- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu, chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

### **1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên**

#### **1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

##### *1.3.1.1. Chứng từ và sổ sách kế toán sử dụng*

➤ *Chứng từ sử dụng:*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu (Mẫu 01-TT)
- Ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi
- Giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (Mẫu 01-BH)
- Các chứng từ liên quan khác (nếu có).

➤ *Sổ sách sử dụng:*

- Sổ chi tiết bán hàng (Mẫu S35-DN)
- Sổ quỹ tiền mặt (Mẫu S07-DN)
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) (Mẫu S31-DN)
- Sổ cái TK 511,111,131...

##### *1.3.1.2. Tài khoản sử dụng*

➤ *Tài khoản 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán.

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản hàng bán bị trả lại kết chuyển vào cuối kỳ
- Trị giá khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ

- Số thuế thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ trong kỳ.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh

+ Bên có:

- Tổng số doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.

TK 511 không có số dư cuối kỳ. TK 511 có 5 TK cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hóa

- 5112: Doanh thu bán thành phẩm

- 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

- 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

- 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

➤ *TK 512- Doanh thu bán hàng nội bộ*: Dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ các doanh nghiệp. Doanh thu nội bộ là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty...

Kết cấu :

+ Bên nợ :

- Trị giá khoản chiết khấu thương mại, khoản hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán kết chuyển vào cuối kỳ

- Số thuế thuế TTĐB, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ đã xác định là tiêu thụ nội bộ trong kỳ.

- Kết chuyển doanh thu nội bộ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

+ Bên có:

- Tổng số doanh thu tiêu thụ nội bộ phát sinh trong kỳ kế toán.

TK512 không có số dư cuối kỳ và có 3 TK cấp 2 như sau:

- 5121: Doanh thu bán hàng hóa nội bộ

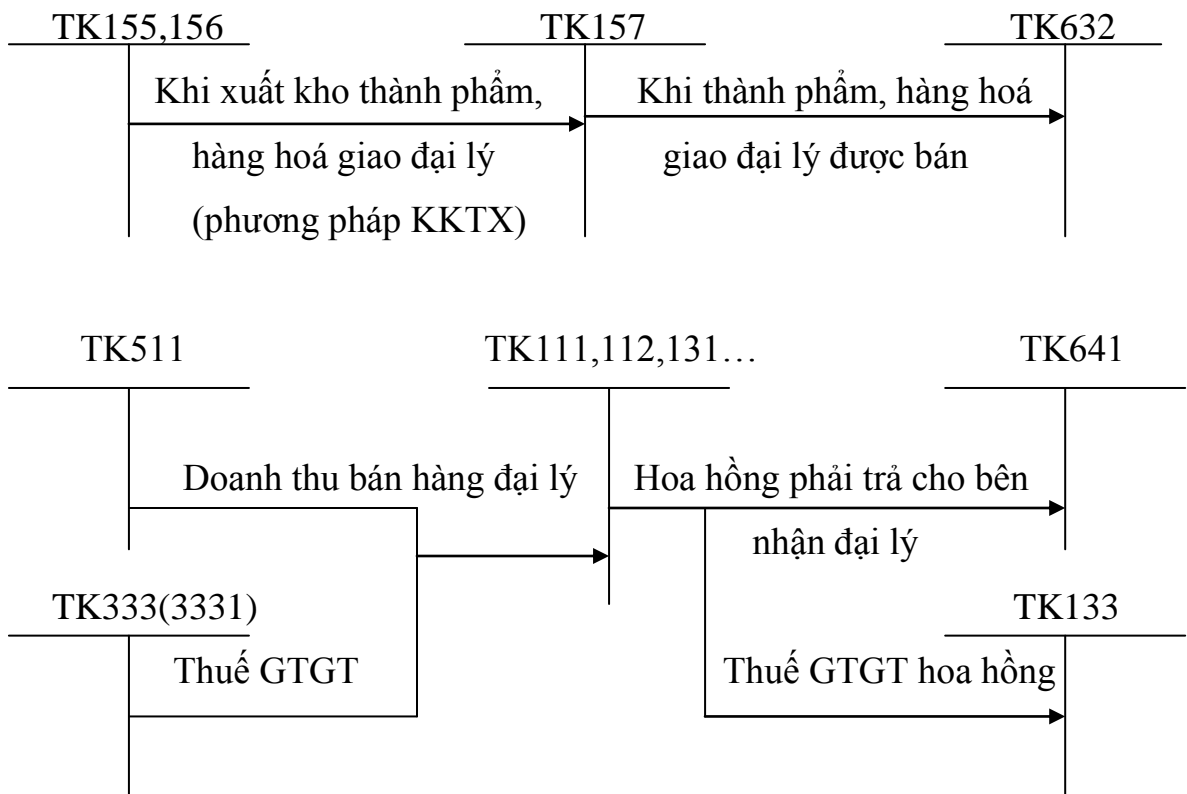
- 5122: Doanh thu bán sản phẩm nội bộ

- 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội bộ

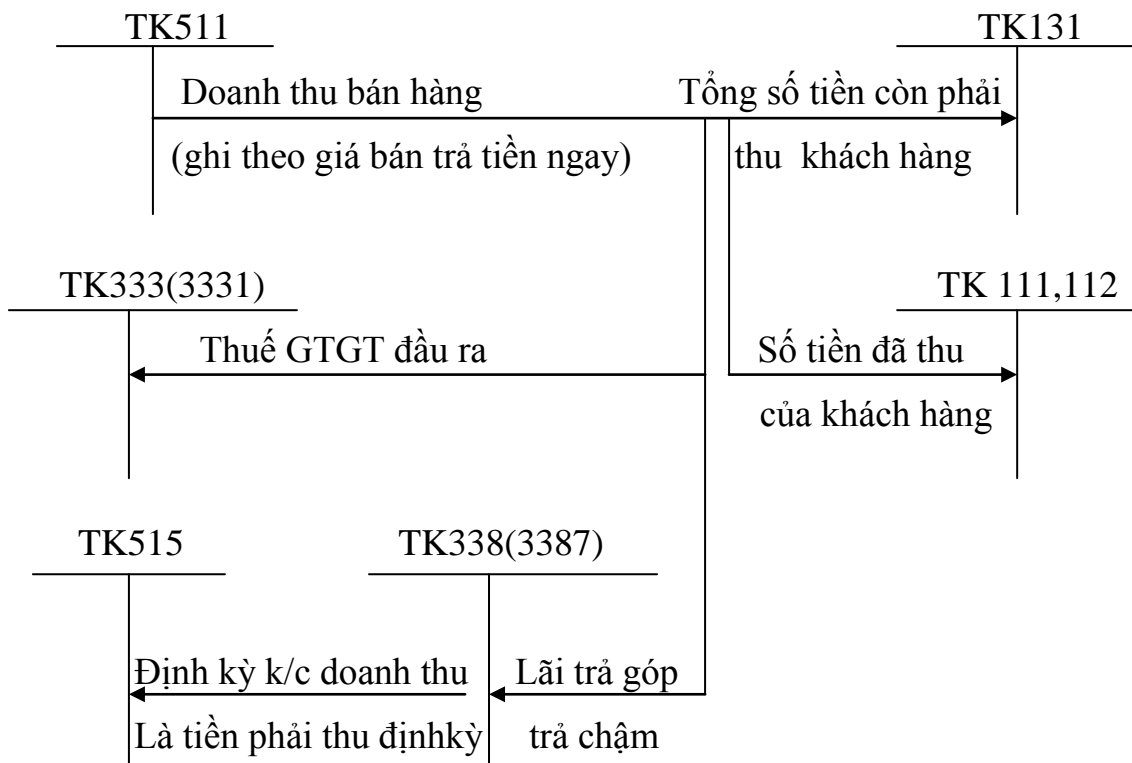




**Sơ đồ 1.2: Kế toán bán hàng thông qua đại lý  
(Theo phương thức bán đúng giá hoa hồng)**



**Sơ đồ 1.3: Sơ đồ kế toán bán hàng theo phương thức trả chậm (hoặc trả góp)**



### **1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán, thuế XK, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

#### *1.3.2.1. Chứng từ sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu 01-GTKT-3LL)
- Phiếu chi
- Phiếu nhập
- Giấy báo có
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.2.2. Tài khoản sử dụng*

➤ *TK521-Chiết khấu thương mại*: dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua phát sinh trong kỳ.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+Bên có:

- Cuối kỳ kết chuyển số chiết khấu thương mại sang TK 511 để tính doanh thu thuần trong kỳ kế toán TK521 không có số dư cuối kỳ

➤ *TK531- Hàng bán bị trả lại*: dùng để phản ánh giá trị số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại (tính theo đúng đơn giá ghi trên hóa đơn). Các chi phí khác liên quan tới hàng bán bị trả lại mà DN phải chi được phản ánh vào TK 641-chi phí bán hàng.

Trường hợp hàng bán bị trả lại vào kỳ kế toán sau, tức là trước đây đã ghi nhận doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Kế toán phản ánh doanh thu, thuế GTGT của hàng bán bị trả lại ghi nhận vào chi phí của kỳ này, trị giá vốn của hàng bán bị trả lại nhập kho ghi nhận vào doanh thu kỳ này.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Trị giá hàng bán bị trả lại đã trả lại tiền hoặc trừ vào nợ phải thu

+Bên có:

- Kết chuyển trị giá hàng bán bị trả lại vào TK 511 hoặc TK512 để tính doanh thu thuần trong kỳ.

TK 531 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK532-Giảm giá hàng bán: dùng để phản ánh các khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và xử lý các khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Kết cấu:

+Bên nợ:

- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho khách hàng phát sinh trong kỳ

+Bên có:

- Kết chuyển số tiền giảm giá hàng bán vào TK 511 hoặc TK 512 để tính doanh thu thuần trong kỳ

TK 532 không có số dư cuối kỳ.

➤ Thuế :

Các khoản thuế làm giảm doanh thu như :

- Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

- Thuế xuất khẩu

- Thuế tiêu thụ đặc biệt(TTĐB)

Phản ánh thuế GTGT (PP trực tiếp) phải nộp :

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3331 - Thuế GTGT

Phản ánh thuế xuất khẩu phải nộp :

Nợ TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3333 - Thuế xuất khẩu

Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp:

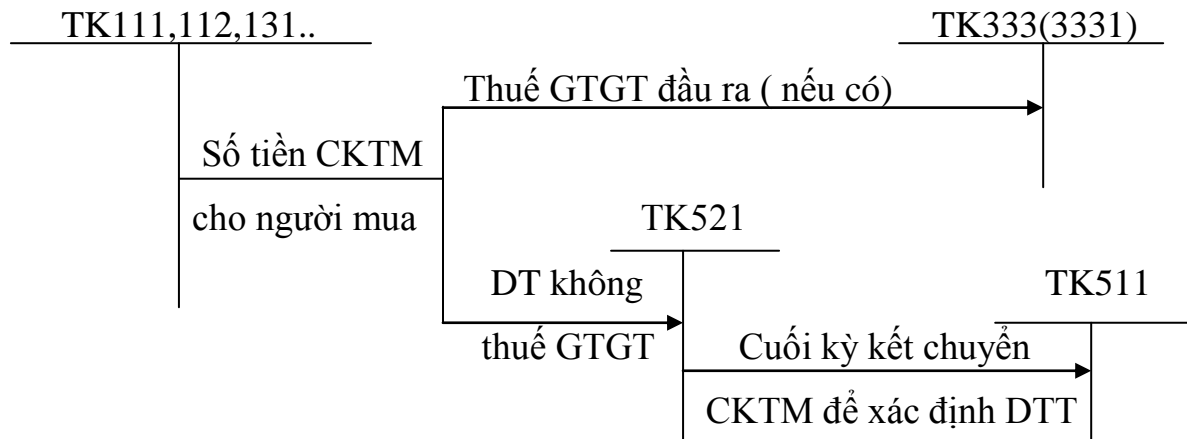
Xác định số thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) phải nộp :

$$\text{Thuế TTĐB phải nộp} = \frac{\text{Giá bán hàng}}{1 + \text{thuế suất}} \times \text{Thuế suất}$$

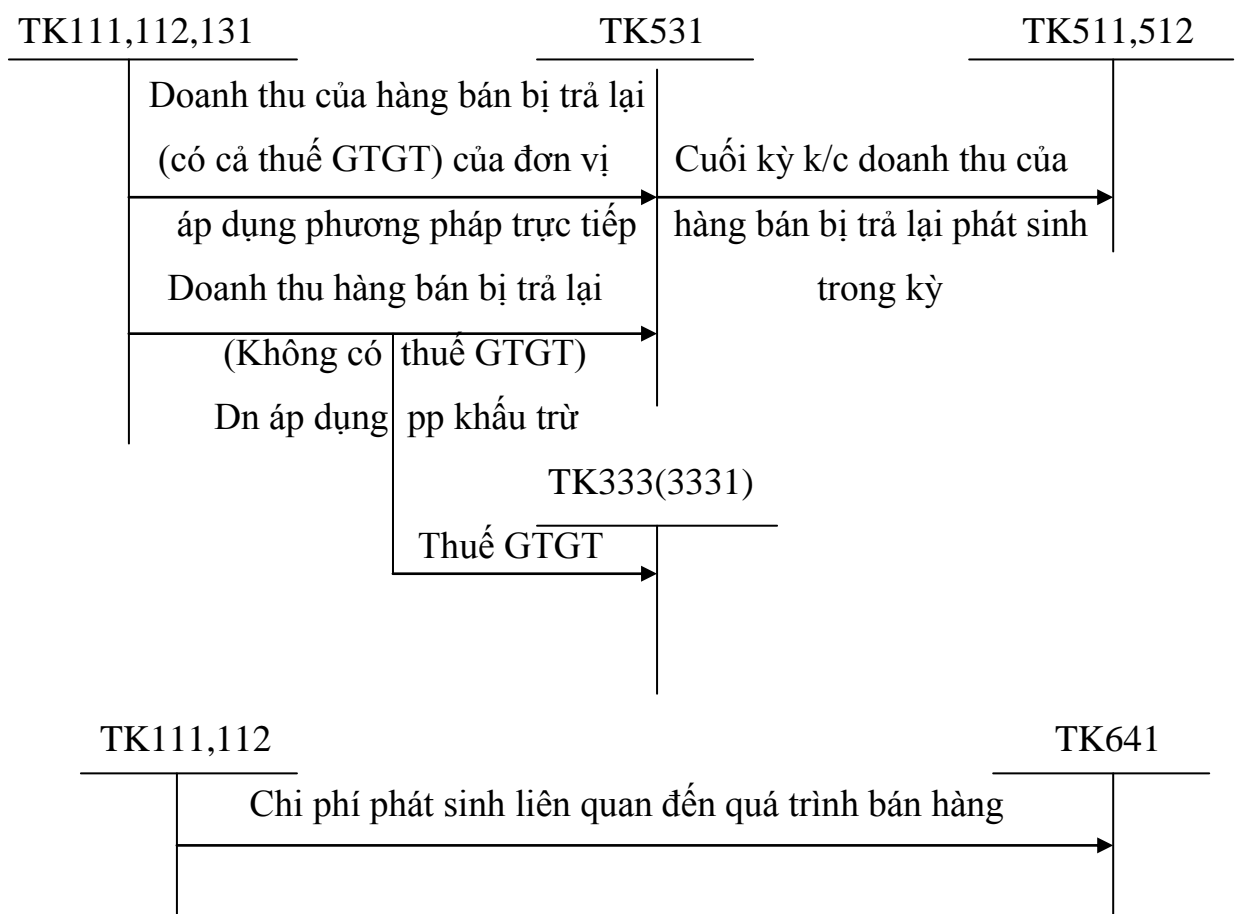
Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 3332 - Thuế tiêu thụ đặc biệt

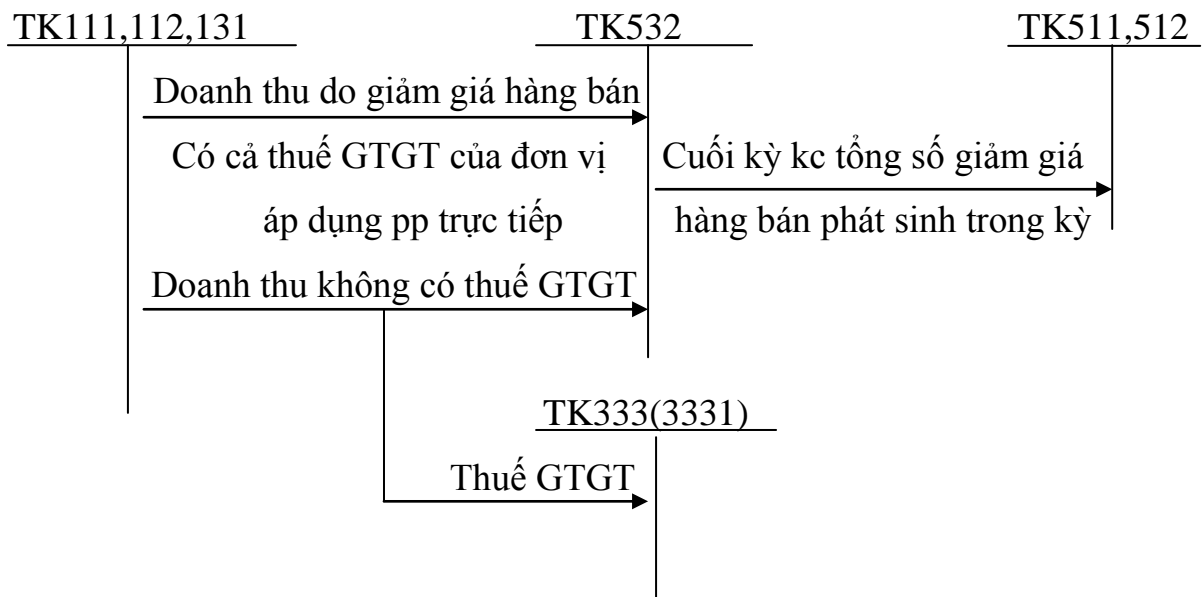
**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tổng hợp chiết khấu thương mại**



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tổng hợp hàng bán bị trả lại**



**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ kế toán tổng hợp giảm giá hàng bán**



**1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán**

*1.3.3.1. Phương pháp xác định giá vốn hàng xuất bán*

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ hoặc sau mỗi lần nhập*

Theo phương pháp này thì trị giá vốn hàng bán xuất kho được tính căn cứ vào số lượng hàng hóa xuất kho và đơn giá bình quân.

Công thức tính:

$$\text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa xuất kho} = \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn kho sau lần nhập } i}$$

Trong đó: Đơn giá bình quân được xác định cho từng loại vật tư.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ thì khối lượng công việc tính toán sẽ giảm bớt nhưng thông tin sẽ không được cung cấp kịp thời vì chỉ tính được trị giá vốn thực tế của vật liệu xuất kho vào thời điểm cuối kỳ.

- Khi tính đơn giá bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập của sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì khối lượng công việc tính toán sẽ nhiều nhưng sẽ đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phương pháp này thích hợp với doanh nghiệp áp dụng kế toán máy. Áp dụng phương pháp này kế toán phải lưu ý đến số lượng và đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn lại sau mỗi lần xuất.

➤ *Phương pháp nhập trước xuất trước ( FIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập trước thì sẽ xuất trước, lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ *Phương pháp nhập sau xuất trước ( LIFO)*

Theo phương pháp này sản phẩm, hàng hóa, vật tư nào nhập sau cùng thì sẽ xuất trước. Lấy đơn giá bằng đơn giá nhập. Trị giá thực tế của sản phẩm, hàng hóa, vật tư tồn kho cuối cùng được xác định bằng đơn giá của sản phẩm, hàng hóa, vật tư những lần nhập đầu tiên.

➤ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, trị giá vốn hàng xuất kho được xác định dựa trên giá định khi xuất kho sản phẩm, hàng hóa, vật tư thì căn cứ vào đơn giá từng lần nhập, xuất hàng hóa thuộc lô nào thì lấy đơn giá của lô đó.

### *1.3.3.2. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01-VT)
- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng thông thường (Mẫu 02-GTGT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hóa kế toán phải lập phiếu xuất kho là căn cứ để xuất hàng hóa, đồng thời là

ơ sở để vào sổ chi tiết hàng hóa. Khi bán hàng cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu XK, hóa đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng hóa để lập báo cáo bán hàng.

1.3.3.3. Tài khoản sử dụng

➤ TK632-Giá vốn hàng bán: phản ánh trị giá vốn hàng hóa xuất kho bán ra trong kỳ.

Kết cấu

+Bên nợ:

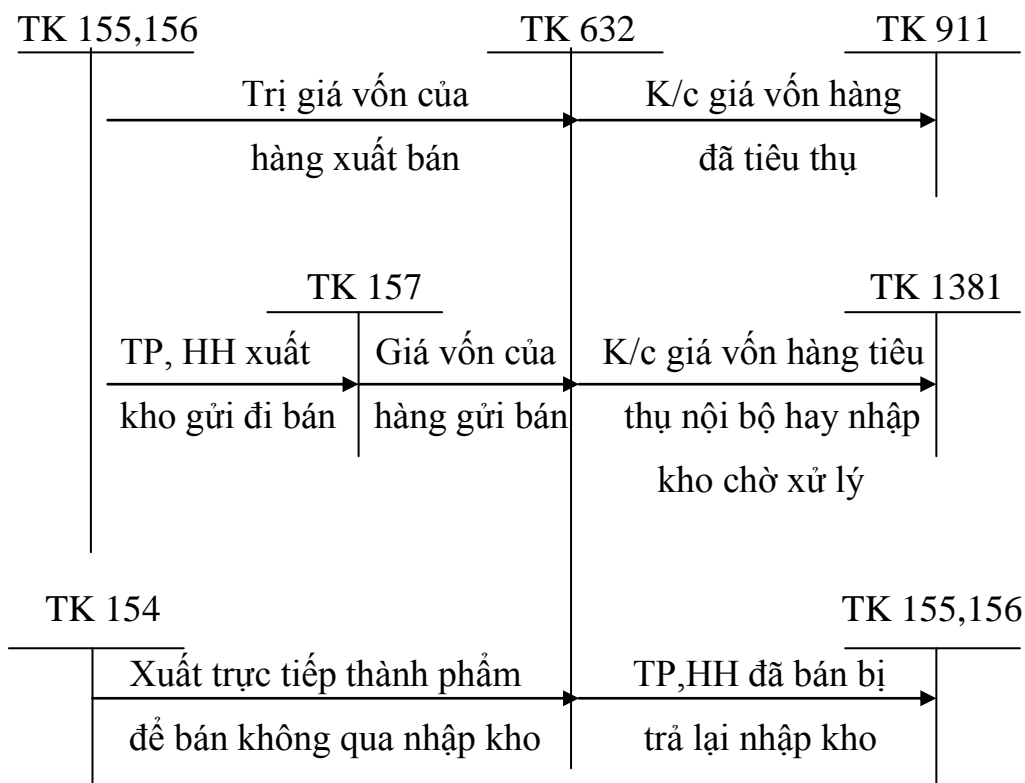
- Tập hợp trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp trong kỳ
- Các khoản khác được tính vào giá vốn trong kỳ

+Bên có:

- Giá vốn hàng bán bị trả lại trong kỳ
  - Kết chuyển giá vốn hàng bán vào bên nợ TK 911 để xác định kết quả kinh doanh
- TK 632 không có số dư cuối kỳ

Các TK khác có liên quan : TK 155,156, 157, 159, 911.

**Sơ đồ 1.7: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp KCTX**



### **1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

#### *1.3.4.1. Chứng từ sử dụng*

Các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương ( Mẫu số 01-LĐTL)
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, CCDC ( Mẫu số 07-VT)
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

Hàng ngày dựa vào các chứng từ phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán tiến hành ghi vào sổ chi tiết, sổ cái TK 641, 642 phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng theo từng hình thức kế toán. Cuối kỳ kế toán kết chuyển chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp trừ vào thu nhập để tính lợi nhuận về tiêu thụ trong kỳ. Trường hợp chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ lớn hơn trong khi doanh thu kỳ này nhỏ hơn hoặc chưa có thì chi phí bán hàng được tạm thời kết chuyển vào TK 142 (TK 242) “chi phí trả trước”. Số này sẽ được kết chuyển một lần hoặc nhiều lần ở các kỳ sau khi có doanh thu.

#### *1.3.4.2. Tài khoản sử dụng*

➤ *TK641-Chi phí bán hàng*: dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

#### **Kết cấu**

+**Bên nợ**:

- Tập hợp các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp.

+**Bên có**:

- Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ hạch toán
- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh, hoặc kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 142 (TK 242) “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 641 không có số dư cuối kỳ và có 7 TK cấp 2 như sau:



- 6411: Chi phí nhân viên mua hàng
- 6412: Chi phí vật liệu bao bì
- 6413: Chi phí dụng cụ đồ dùng
- 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bán hàng
- 6415: Chi phí bảo hành sản phẩm
- 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6418: Chi phí khác bằng tiền.

➤ *TK642-Chi phí quản lý doanh nghiệp*: dùng để phản ánh các chi quản lý chung của doanh nghiệp phát sinh trong kỳ hạch toán

#### Kết cấu

+Bên nợ:

- Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ, số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả, dự phòng trợ cấp việc làm.

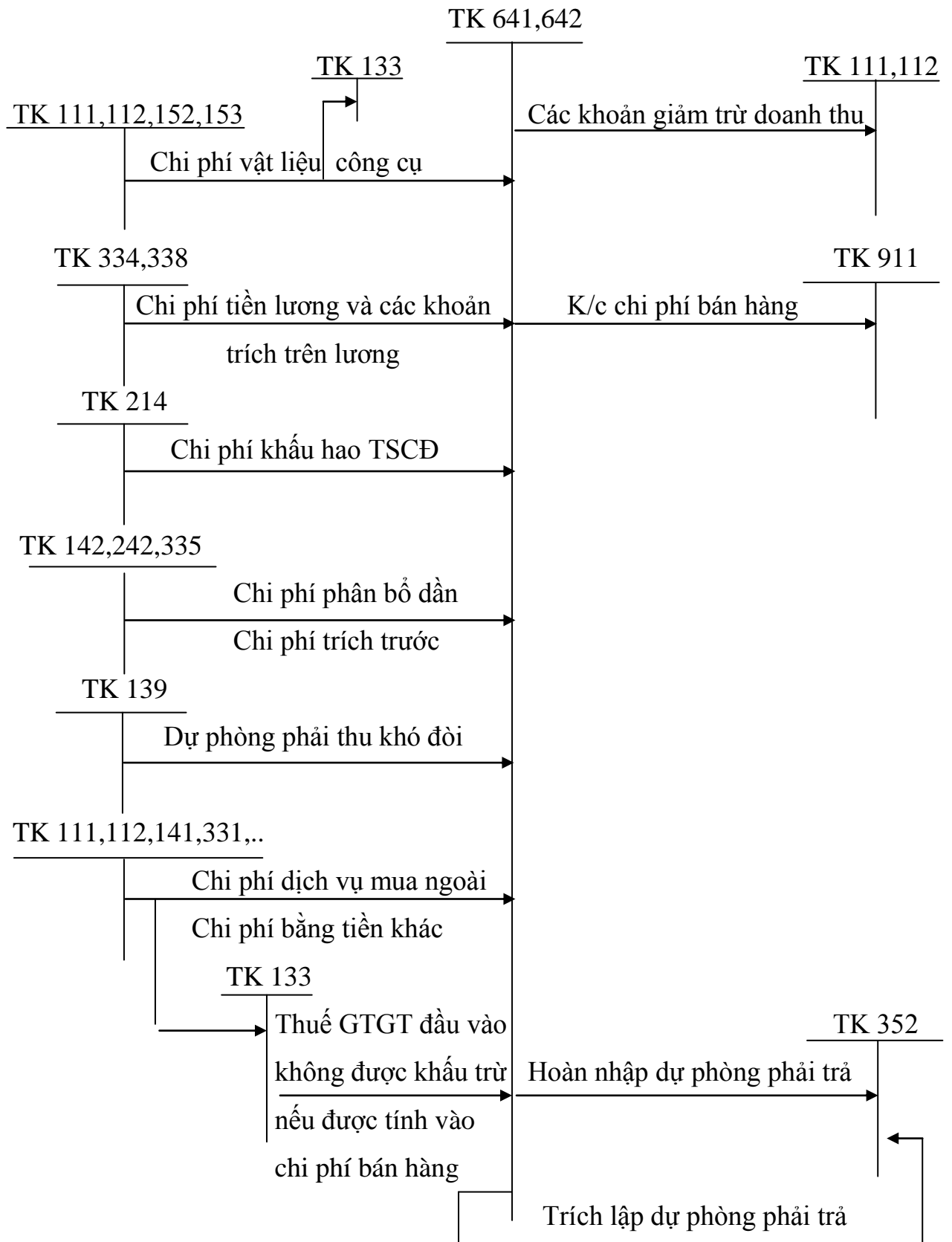
+Bên có:

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh hoặc kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 142 “chi phí trả trước” để chờ phân bổ.

TK 642 không có số dư cuối kỳ và có 8 TK cấp 2 như sau:

- 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- 6422: Chi phí vật liệu quản lý
- 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- 6425: Thuế, phí, lệ phí
- 6426: Chi phí dự phòng
- 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- 6428: Chi phí khác bằng tiền

**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**



### **1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**

#### *1.3.5.1. Chứng từ sử dụng*

Các chứng từ có liên quan đến doanh thu tài chính và chi phí tài chính:

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo lãi của ngân hàng
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Các hợp đồng vay vốn
- Biên bản góp vốn liên doanh liên kết
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.5.2. Tài khoản sử dụng*

➤ *TK515-Doanh thu tài chính*: dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh và doanh thu các hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

**Kết cấu**

+**Bên nợ**:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

+**Bên có**:

- Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh.
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XD CB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

TK 515 không có số dư cuối kỳ

➤ *TK 635-Chi phí tài chính*: dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

**Kết cấu**

+**Bên nợ**:

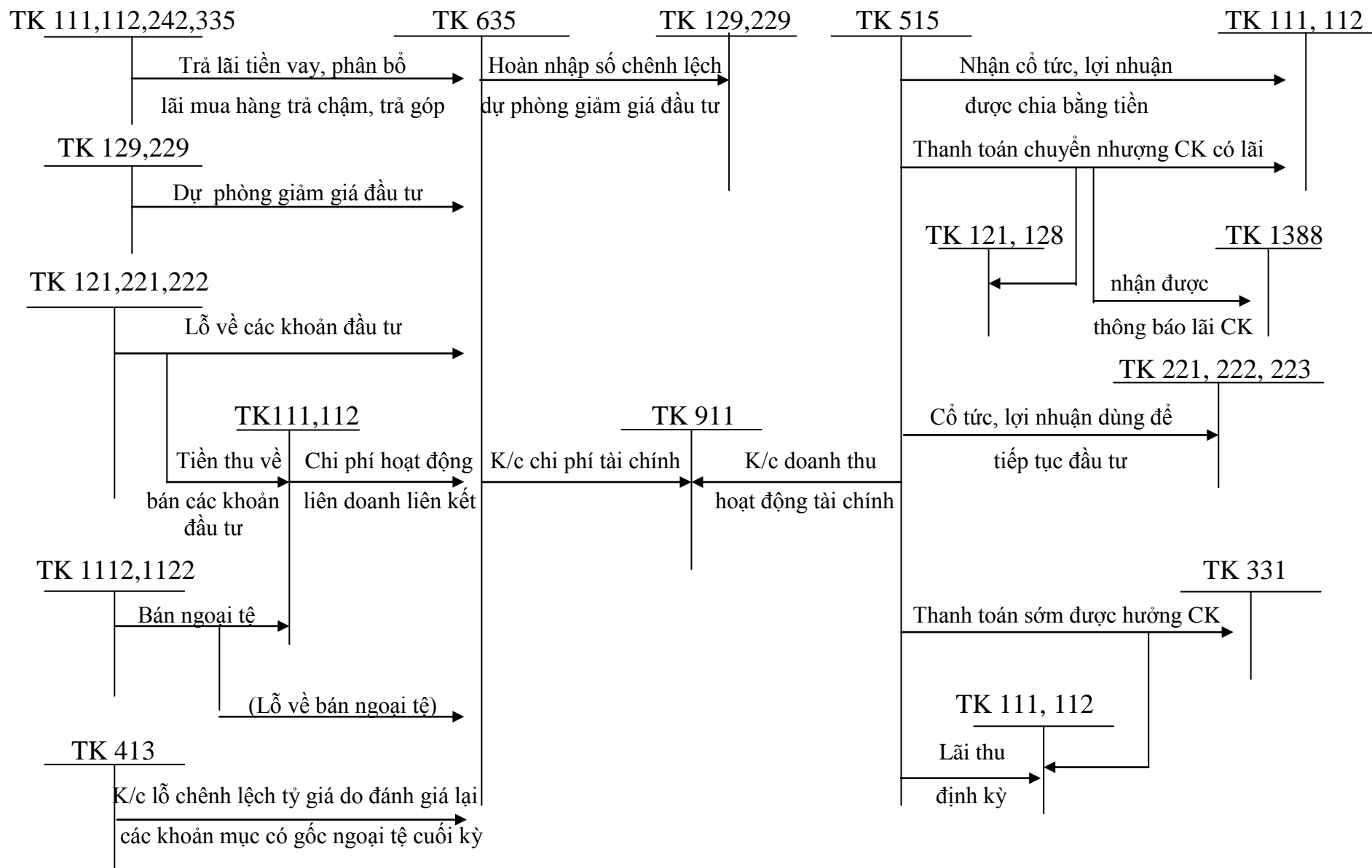
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính - Lãi bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư ngắn hạn
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện)
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản (lỗ tỷ giá giai đoạn trước hoạt động đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính)
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác

+**Bên có**:

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)
- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.9. Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**



### **1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

#### *1.3.6.1. Chứng từ sử dụng*

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.6.2. Tài khoản sử dụng*

➤ *TK 711-Thu nhập khác*: dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp

#### **Kết cấu**

+Bên nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác (nếu có)
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản thu nhập khác trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh

+Bên có:

- Các khoản thu nhập khác phát sinh

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

➤ *TK 811- Chi phí khác*: dùng để phản ánh các khoản chi phí của hoạt động ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

#### **Kết cấu**

+Bên nợ:

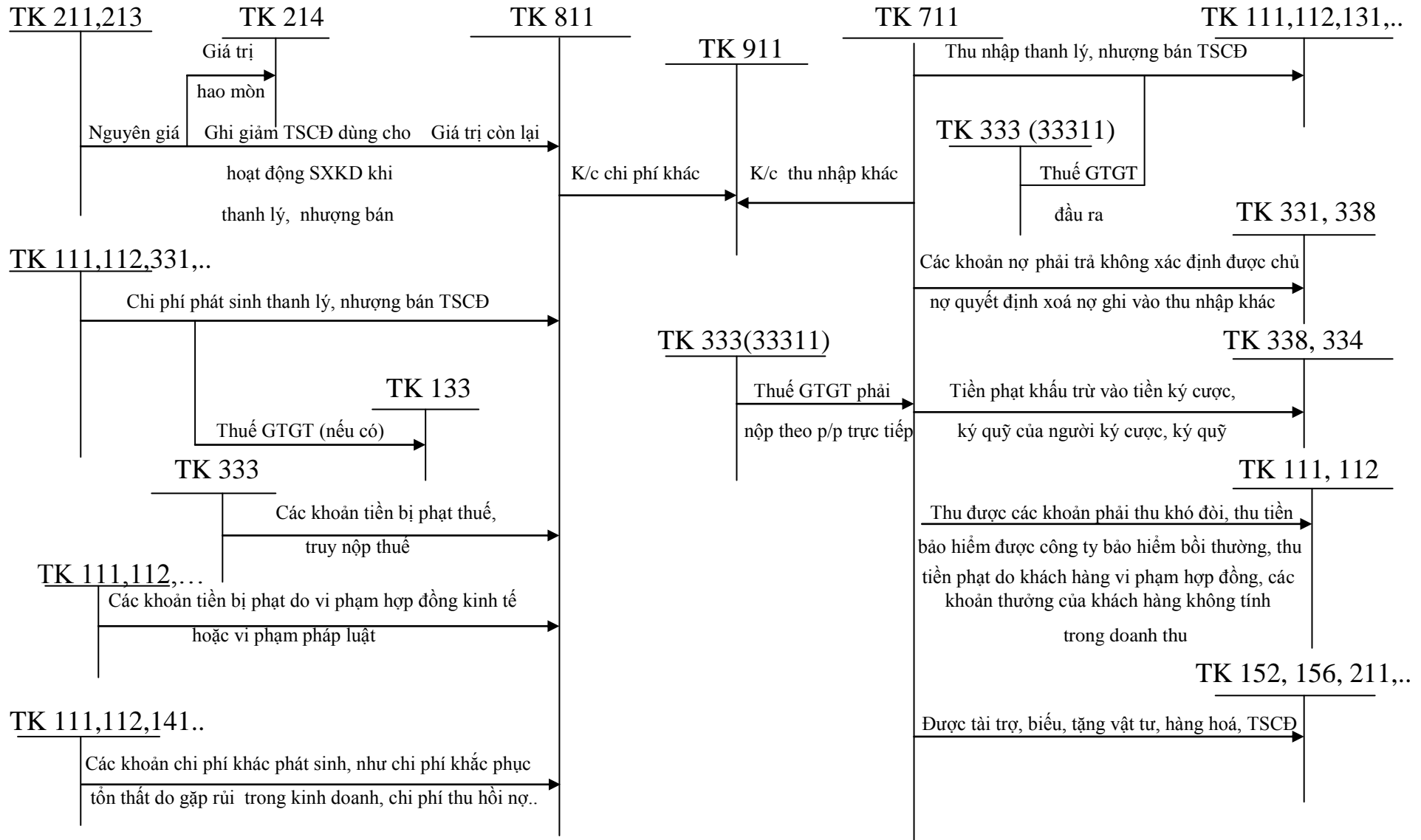
- Các khoản chi phí khác phát sinh

+Bên có:

- Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ các chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

**Sơ đồ 1.10. Sơ đồ hạch toán thu nhập và chi phí khác**



### **1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

#### *1.3.7.1. Chứng từ sử dụng*

- Bảng tổng hợp doanh thu trong doanh nghiệp
- Bảng tổng hợp chi phí trong doanh nghiệp

#### *1.3.7.2. Tài khoản sử dụng*

TK 821 - chi phí thuế TNDN: bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

TK 821 không có số dư cuối kỳ và có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 8211: Chi phí thuế TNDN hiện hành
- TK 8212: Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

#### *1.3.7.3. Phương pháp kế toán chi phí thuế TNDN*

➤ *Chi phí thuế TNDN hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

#### **Kết cấu**

+ Bên Nợ:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

+ Bên Có:

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm.
- Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại.
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành vào bên Nợ TK 911.



➤ *Chi phí thuế TNDN hoãn lại*: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### Kết cấu

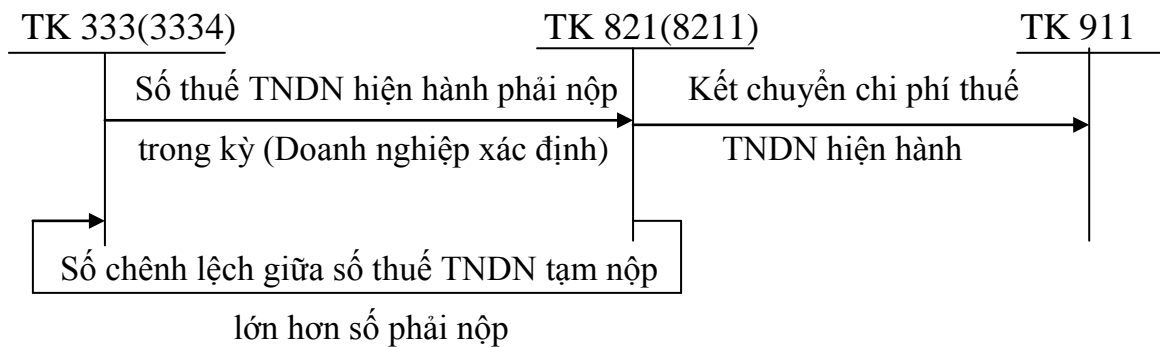
##### + Bên Nợ:

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế TNDN hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm).
- Ghi nhận chi phí thuế TNDN (số chênh lệch giữa tài sản thuế TN hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm).
- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên nợ TK 8212 phát sinh trong kỳ và bên Có TK 911.

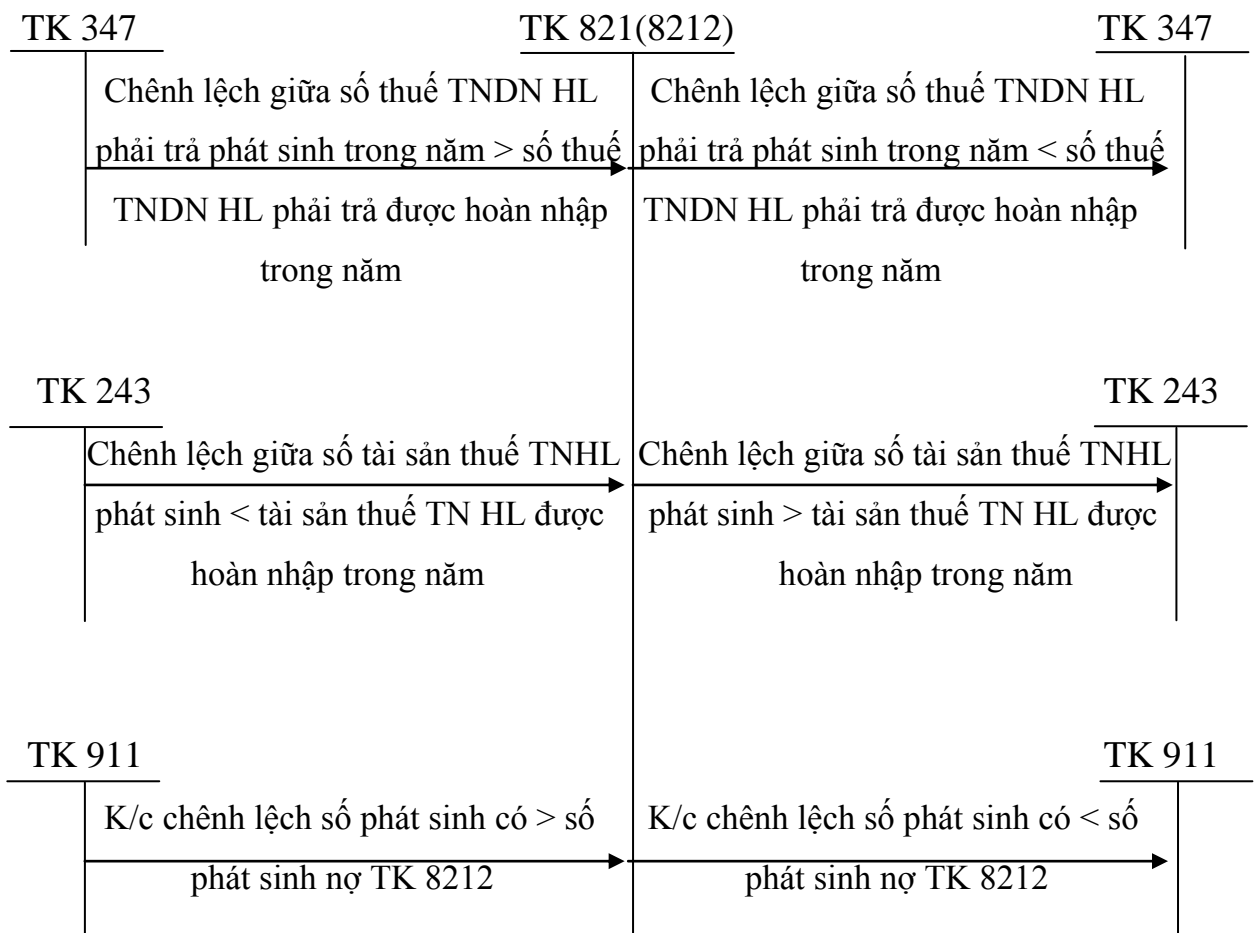
##### + Bên Có:

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế TNDN hoãn lại được hoàn nhập trong năm).
- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế TNDN phải trả phát sinh trong năm).
- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

**Sơ đồ 1.11: Sơ đồ kế toán tổng hợp thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**



**Sơ đồ 1.12: Sơ đồ kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**



### **1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### *1.3.7.1. Chứng từ sử dụng:*

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

#### *1.3.7.2. Tài khoản sử dụng:*

➤ *TK 911-Xác định kết quả kinh doanh*

Tài khoản này dùng để phản ánh xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ hạch toán. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

#### **Kết cấu**

##### **+Bên nợ:**

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá dịch vụ bán ra trong kỳ
- Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế TNDN, chi phí khác
- Kết chuyển lãi

##### **+Bên có:**

- Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ.
- Doanh thu thuần hoạt động tài chính và các khoản thu nhập khác.
- Kết chuyển lỗ

TK 911 không có số dư cuối kỳ.

#### *1.3.7.3. Nguyên tắc hạch toán:*

Kế toán sử dụng TK911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

+ Cuối mỗi tháng, kế toán thực hiện bút toán kết chuyển:

- Doanh thu bán hàng thuần, doanh thu hoạt động tài chính sang bên có TK911

- Chi phí quản lý doanh nghiệp, trị giá vốn hàng bán, chi phí tài chính và chi phí thuế TNDN sang bên nợ TK911.

+ Xác định kết quả kinh doanh:

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán doanh nghiệp thực hiện bút toán kết chuyển lỗ sang bên Nợ TK 421- LN sau thuế. Kế toán ghi :

Nợ TK421 :(SPS Nợ TK 911 - SPS Có TK 911)

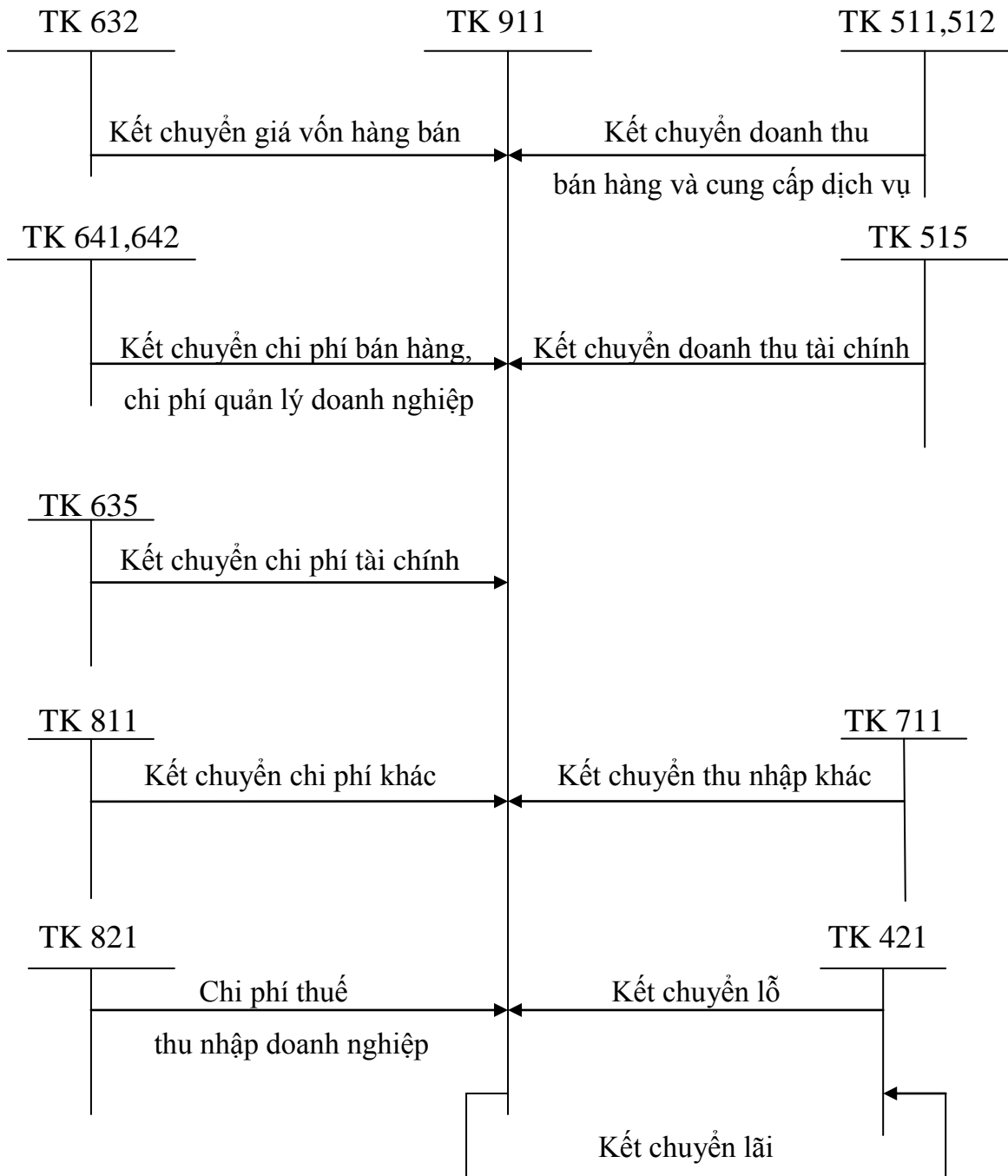
Có TK911

- Nếu tổng phát sinh bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng phát sinh bên Có TK 911 thì kế toán tính thuế TNDN phải nộp và thực hiện bút toán kết chuyển lãi:

Nợ TK911

Có TK421(SPS Có TK911 - SPS Nợ TK911)

**Sơ đồ 1.13. Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh**



## **1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

Đối với doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì kế toán sử dụng các loại chứng từ, tài khoản, sổ sách cũng như cách thức hạch toán như sau:

### **1.4.1. Chứng từ sử dụng**

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì chứng từ sử dụng giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **1.4.2. Tài khoản sử dụng**

Ngoài các tài khoản mà doanh nghiệp kê khai hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ còn sử dụng thêm những tài khoản sau:

+ TK 611 - Mua hàng: TK này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hóa tăng, giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 TK cấp 2 như sau:

- TK 6111: Mua nguyên vật liệu

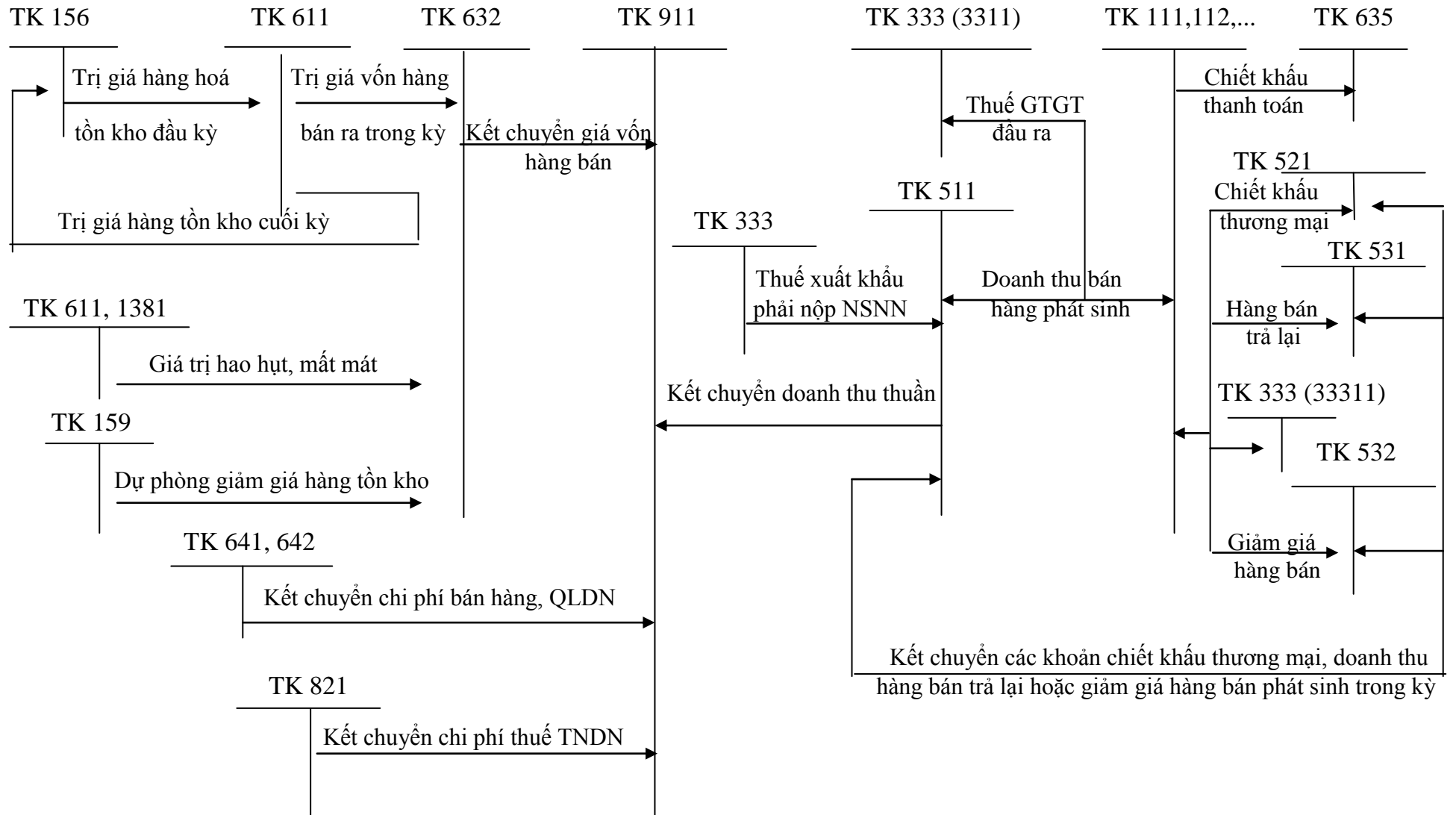
- TK 6112: Mua hàng hóa

+ TK 631 - Giá thành sản xuất

### **1.4.3. Sổ sách sử dụng**

Doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì sổ sách sử dụng cũng giống như trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Sơ đồ 1.14. Sơ đồ hạch toán tổng hợp doanh thu, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh**  
 (Theo phương pháp kiểm kê định kỳ và đơn vị áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



### 1.5. Các hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp

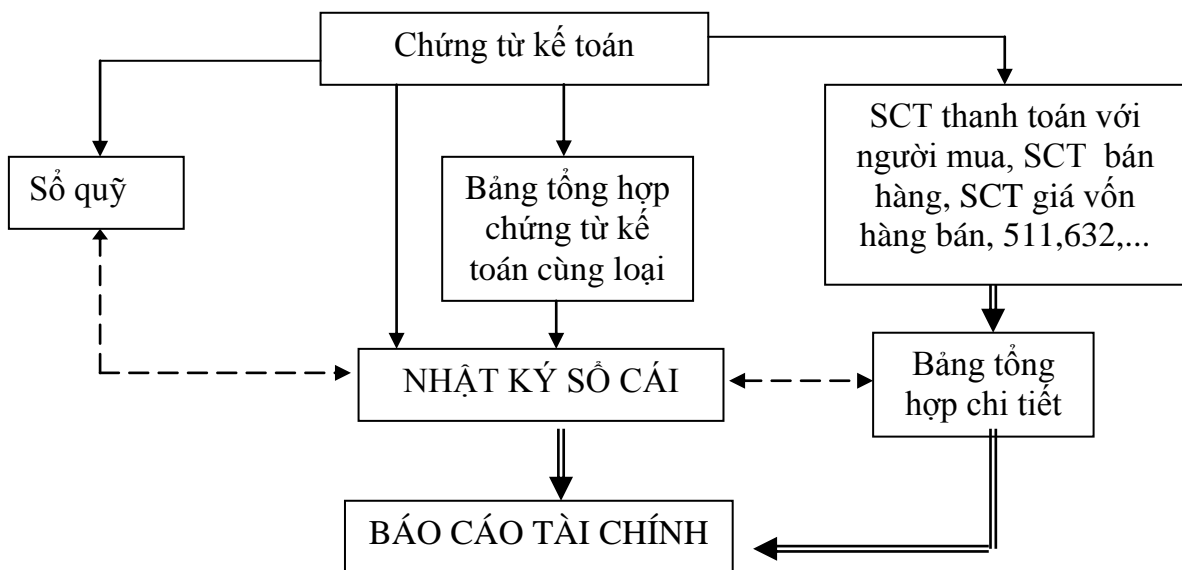
Hình thức kế toán là hình thức kết hợp các loại sổ kế toán khác nhau về chức năng ghi chép, về kết cấu, về nội dung phản ánh theo một trình tự hạch toán nhất định trên cơ sở của chứng từ gốc nhằm cung cấp các chỉ tiêu cần thiết cho việc lập báo cáo kế toán theo trình tự và phương pháp nhất định.

Các hình thức kế toán sau được áp dụng trong các doanh nghiệp:

➤ *Hình thức Nhật ký – Sổ Cái*

Hình thức này, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phản ánh vào sổ Nhật ký – Sổ Cái. Sổ này hạch toán tổng hợp duy nhất, kết hợp phản ánh theo thời gian và theo hệ thống. Tất cả các tài khoản doanh nghiệp sử dụng được phản ánh cả hai bên Nợ - Có trên cùng một vài trang sổ. Căn cứ ghi sổ là chứng từ gốc hoặc bảng tổng hợp chứng từ gốc, mỗi chứng từ ghi một dòng vào Nhật ký – Sổ Cái.

**Sơ đồ 1.15: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Sổ cái**



- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu

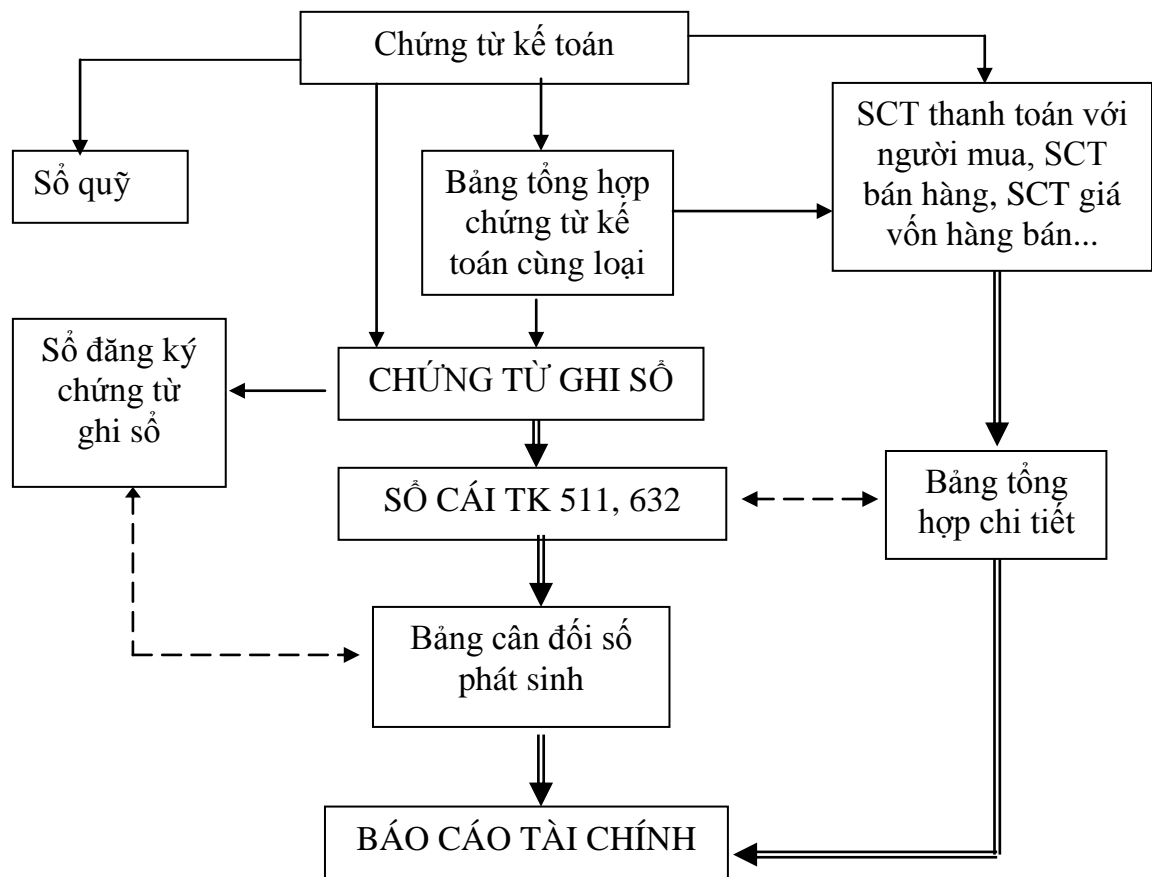


➤ Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức này thích hợp với mọi loại hình doanh nghiệp, thuận tiện cho việc áp dụng máy vi tính. Tuy nhiên ghi chép bị trùng lặp nhiều nên việc báo cáo dễ bị chậm trễ nhất là trong điều kiện thủ công.

Sổ sách hình thức này gồm: Sổ Cái, Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, Bảng cân đối tài khoản, các thẻ và sổ hạch toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.16: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



Ghi chú

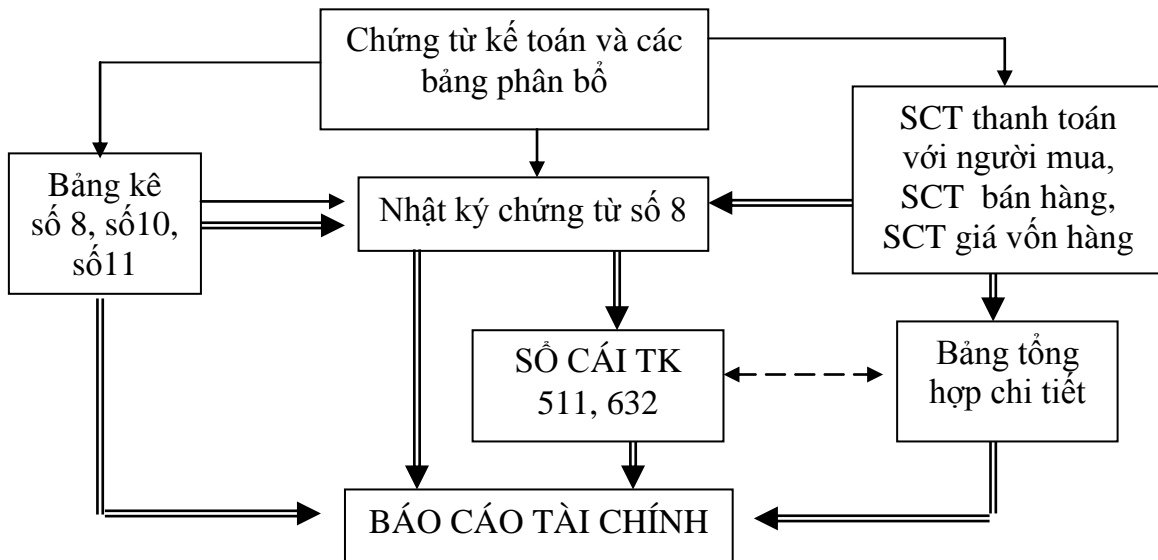
- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ← - - - → Đối chiếu

➤ *Hình thức Nhật ký – Chứng từ*

Hình thức này thích hợp với doanh nghiệp lớn, số lượng nghiệp vụ nhiều và điều kiện hạch toán thủ công, dễ chuyên môn hóa cán bộ kế toán. Tuy nhiên đòi hỏi nghiệp vụ kế toán phải cao.

Sổ sách hình thức này bao gồm: Sổ Nhật ký – Chứng từ, Sổ Cái, Bảng kê, Bảng phân bổ, Sổ chi tiết.

**Sơ đồ 1.17: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký - Chứng từ**



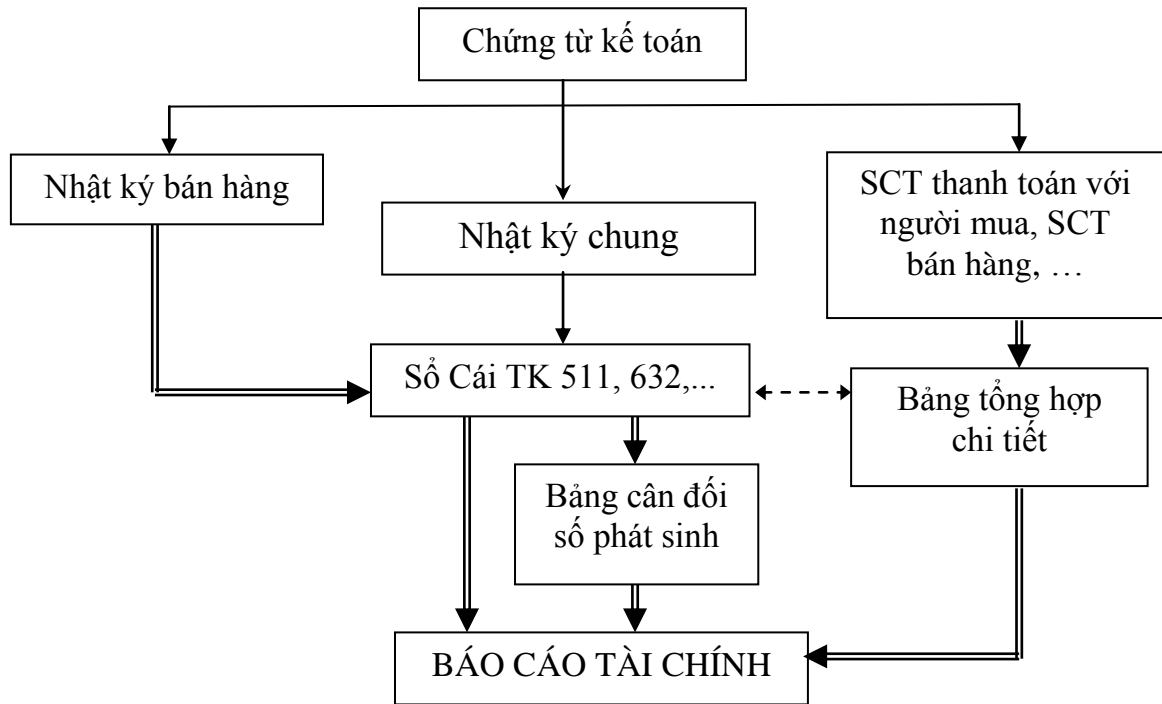
- Ghi chú
- Ghi hàng ngày
  - ====> Ghi cuối tháng
  - ← - - - → Đối chiếu

➤ *Hình thức Nhật ký chung*

Hình thức này phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian vào Sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào Sổ Nhật ký chung lấy số liệu để ghi vào Sổ Cái. Mỗi bút toán phản ánh trong sổ Nhật ký chung được chuyển vào Sổ Cái ít nhất cho hai tài khoản có liên quan.

Việc áp dụng hình thức kế toán nào là tùy thuộc vào quy mô, đặc điểm kinh doanh và trình độ quản lý của doanh nghiệp. Mỗi hình thức kế toán có những nhược điểm, ưu điểm và điều kiện áp dụng nhất định. Vì vậy doanh nghiệp phải lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình.

**Sơ đồ 1.18: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung**

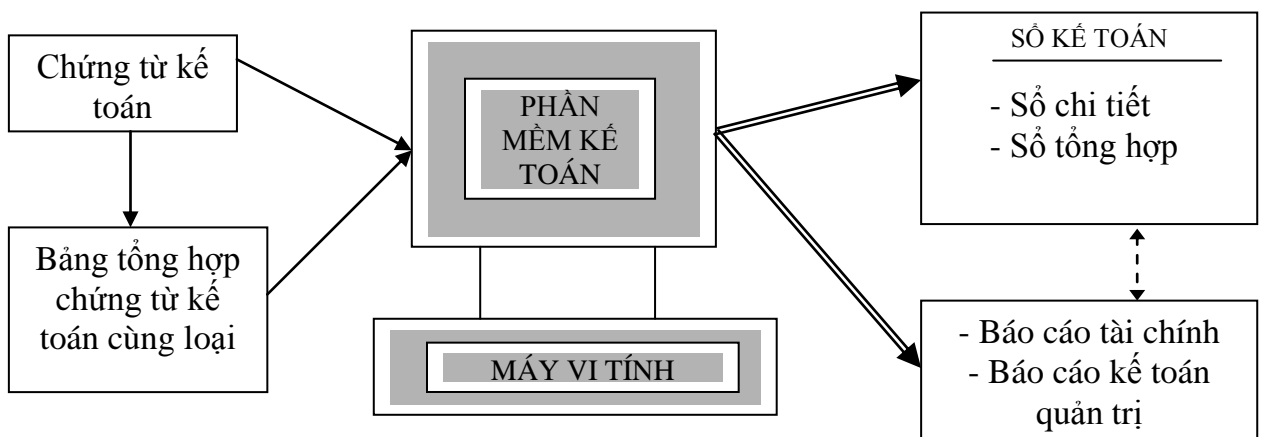


- Ghi chú :**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu

➤ *Hình thức kế toán trên máy vi tính.*

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm trên máy vi tính.

**Sơ đồ 1.19: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán máy**



- Ghi chú**
- Ghi hàng ngày
  - ⇒ Ghi cuối tháng
  - ↔ Đối chiếu

## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN

#### 2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần nhựa Hyphen

##### 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần nhựa Hyphen

Công ty cổ phần nhựa Hyphen được thành lập ngày 20 tháng 04 năm 2005 theo quyết định số 0202001407 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng.

**Tên giao dịch** : Công ty cổ phần nhựa Hyphen

**Tên giao dịch đối ngoại** : HYPHEN PLASTIC JOINT STOCK COMPANY.

**Viết tắt là** : HYPJSCO

**Trụ sở Công ty** : Cụm 1 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng.

**Điện thoại** : 0313.576795 – 3576796

**Fax** : 0313.576794

**E-mail** : [hyphenplastic@vnn.vn](mailto:hyphenplastic@vnn.vn)

**Vốn điều lệ** : 6.000.000.000 đồng

Tuy mới tham gia vào thị trường văn phòng phẩm nhưng những sản phẩm của công ty đã khẳng định được về uy tín cũng như thương hiệu. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng công ty đã mở rộng quy mô sản xuất hơn 18.000m<sup>2</sup> được trang bị máy móc hiện đại với hơn 300 công nhân có tay nghề cao.

Là một doanh nghiệp đóng tại thành phố Hải Phòng, với những đóng góp nhất định cho thành phố, Công ty đã nhiều lần được thành phố khen thưởng là doanh nghiệp có thành tích xuất sắc góp phần vào sự phát triển của thành phố.

Năm 2007 Công ty đã được thành phố Hải Phòng phong tặng doanh nghiệp xuất sắc..

Với nỗ lực không ngừng, Công ty cổ phần nhựa Hyphen đã dần khẳng định mình và tạo đà phát triển trong thời gian tới. Trong những năm gần đây tình hình tài chính của Công ty đã dần ổn định, vốn của Công ty qua các năm có chiều hướng tăng nhanh thể hiện qua biểu sau:

Biểu 1: Tình hình thể hiện vốn Công ty qua 3 năm(2008-2010)

| Các loại vốn | 2008           | 2009           | 2010           |
|--------------|----------------|----------------|----------------|
| Vốn cố định  | 10.378.644.460 | 10.792.050.201 | 11.043.031.749 |
| Vốn lưu động | 14.563.048.466 | 21.360.426.462 | 25.072.512.447 |
| Tổng         | 24.941.692.262 | 32.152.486.663 | 36.115.544.196 |

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

Biểu 2: So sánh giữa các năm

| Các loại vốn | Số tuyệt đối  |               | Số tương đối (%) |           |
|--------------|---------------|---------------|------------------|-----------|
|              | 2009/2008     | 2010/2009     | 2009/2008        | 2010/2009 |
| Vốn cố định  | 413.405.741   | 250.981.548   | 0,04             | 0,02      |
| Vốn lưu động | 6.797.387.996 | 3.712.075.985 | 0,47             | 0,17      |
| Tổng         | 7.210.793.737 | 3.963.057.533 |                  |           |

Qua bảng số liệu trên ta thấy vốn của Công ty ngày càng tăng có thể nói doanh nghiệp đã sản xuất kinh doanh có lãi và đã có tích lũy để tái sản xuất, đầu tư trang thiết bị, tài sản cố định ... phục vụ cho công tác sản xuất.

Do đó tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng có những chuyển biến đáng kể, thể hiện ở một số chỉ tiêu chính sau:

Biểu 3: Tình hình thể hiện doanh thu qua 2 năm (2009-2010)

| Chỉ tiêu            | 2009           | 2010           | Chênh lệch 2010/2009 |         |
|---------------------|----------------|----------------|----------------------|---------|
|                     |                |                | Số tiền              | Tỷ lệ % |
| Doanh thu bán hàng  | 18.134.468.000 | 22.364.462.160 | 4.229.994.160        | 23,33   |
| Doanh thu tài chính | 60.628.700     | 63.796.800     | 3.168.100            | 5,22    |
| Giá vốn hàng bán    | 12.766.426.264 | 15.198.076.152 | 2.431.649.888        | 19,05   |
| Tổng LN trước thuế  | 2.594.136.714  | 3.779.817.635  | 1.185.680.921        | 45,71   |

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

Thông qua bảng số liệu trên ta thấy, doanh thu bán hàng tăng 4.229.994.160 đồng tương đương với 23.33%, điều đó có nghĩa là sản phẩm của doanh nghiệp ngày càng được biết đến nhiều hơn. Mặt khác giá vốn của doanh nghiệp cũng tăng rất cao 2.431.649.888 đồng tương đương với 19,05%. Nguyên nhân làm cho giá vốn tăng

có thể do một số nguyên nhân như: do giá nguyên vật liệu đầu vào tăng, chi phí tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm tăng... Mặc dù kết quả đạt được không cao nhưng năm 2010 so với năm 2009 cũng đã có sự tăng trưởng. Tổng lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh tăng 1.185.680.921 đồng tương đương với 45,71%.

Bởi vậy, trong thời gian qua công ty luôn nỗ lực đổi mới công nghệ, đổi mới phương pháp kinh doanh, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên có trình độ cao để đáp ứng mọi nhu cầu đa dạng của khách hàng. Chính vì thế sản phẩm của công ty luôn được sự hưởng ứng cao của khách hàng trong nước cũng như tại khu vực Châu Á.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất của công ty cổ phần nhựa Hyphen**

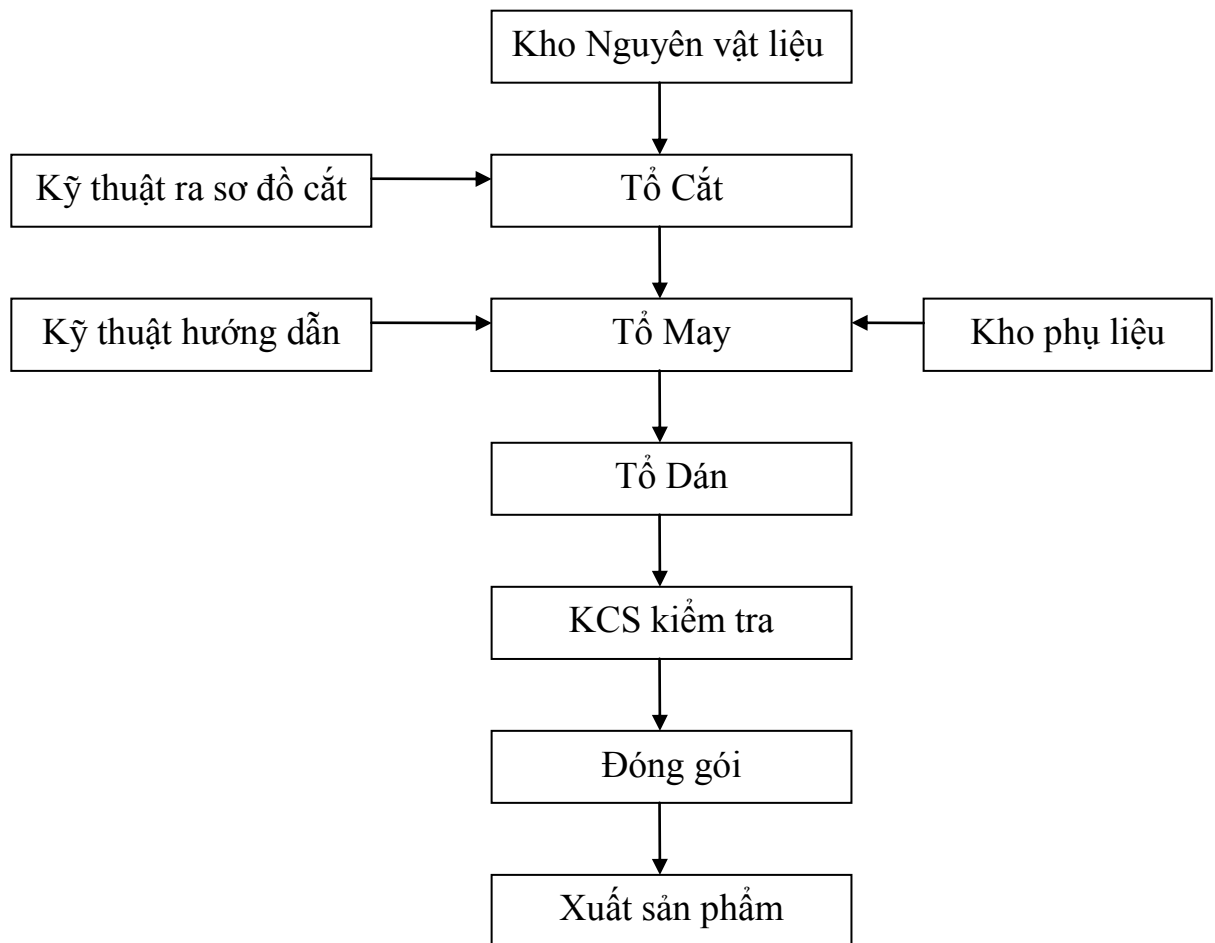
Công ty cổ phần nhựa Hyphen là Công ty cổ phần chuyên sản xuất các sản phẩm văn phòng phẩm, áo đi mưa mang thương hiệu Hyphen duy nhất trên thị trường Việt Nam.

+ Về sản phẩm áo mưa: Sản phẩm áo mưa của công ty rất đa dạng với nhiều chủng loại như áo mưa bộ, áo mưa cánh dơi, áo mưa có kính, áo mưa trẻ em, áo mưa 1 mũ, áo mưa 2 mũ...

+ Về đồ dùng văn phòng phẩm: Từ chất liệu nhựa qua quá trình cán và ép nhựa đã tạo ra rất nhiều sản phẩm đa dạng như cặp ba còng, túi đựng bì kiểm tra, bìa bọc vở, cặp hộp, thẻ nhân viên, file kẹp tài liệu, bảng trình ký...

Công ty có quy trình công nghệ sản xuất liên tục bao gồm nhiều giai đoạn công nghệ cấu thành. Dưới nhà máy bộ phận sản xuất được phân thành các tổ:

- Tổ Cắt
- Tổ May
- Tổ Dán
- KCS kiểm tra chất lượng sản phẩm
- Bộ phận đóng gói

**Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm****2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty cổ phần nhựa Hyphen trong quá trình hoạt động****2.1.3.1. Những thuận lợi của công ty cổ phần nhựa Hyphen trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh**

Cùng với sự nỗ lực của cán bộ công nhân viên nhà máy và sự quan tâm hỗ trợ của các cấp chính quyền, đặc biệt là sự hỗ trợ tận tụy từ phía bạn hàng Trung Quốc. Hiện nay Công ty đã dần dần phục hồi và từng bước phát triển, cho tới nay Công ty đã cho sản xuất và tiêu thụ khoảng 25 danh mục các sản phẩm hàng hóa khác nhau.

Với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, đa dạng về mẫu mã và nhiều về số lượng của thị trường. Công ty cổ phần nhựa HyPhen đã không ngừng cải tiến công tác quản lý, đổi mới công nghệ, thiết bị, mở rộng sản xuất nhằm nâng cao uy tín

của thương hiệu HyPhen, đáp ứng đến mức cao nhất yêu cầu của thị trường. Mở rộng thị trường trên khắp cả nước và tương lai sẽ đưa các sản phẩm của mình ra thị trường quốc tế là chiến lược phát triển của Công ty. Hiện nay Công ty đã có 15 đại lý trên cả nước. Với phương châm kinh doanh là “Giúp khách hàng thỏa mãn tối đa nhu cầu trong kinh doanh an toàn và hiệu quả; luôn nỗ lực hết mình để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm đạt chất lượng cao nhất; luôn tuân thủ đúng nguyên tắc kinh doanh”, do đó các sản phẩm của Công ty được nhiều người biết đến và tin dùng.

#### *2.1.3.2. Những khó khăn của công ty cổ phần nhựa Hyphen trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh*

Bên cạnh những thuận lợi kể trên thì công ty cũng có không ít khó khăn trong quá trình hoạt động. Khi mới thành lập Công ty cổ phần nhựa HyPhen gặp khó khăn trong việc đưa sản phẩm của mình ra thị trường. Liên tục trong thời gian đầu nhà máy luôn phải chịu thua lỗ, do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có từ lâu.

Khó khăn từ việc tìm đối tác kinh doanh, quay vòng vốn đến nắm bắt thị trường và xu thế của nền kinh tế.

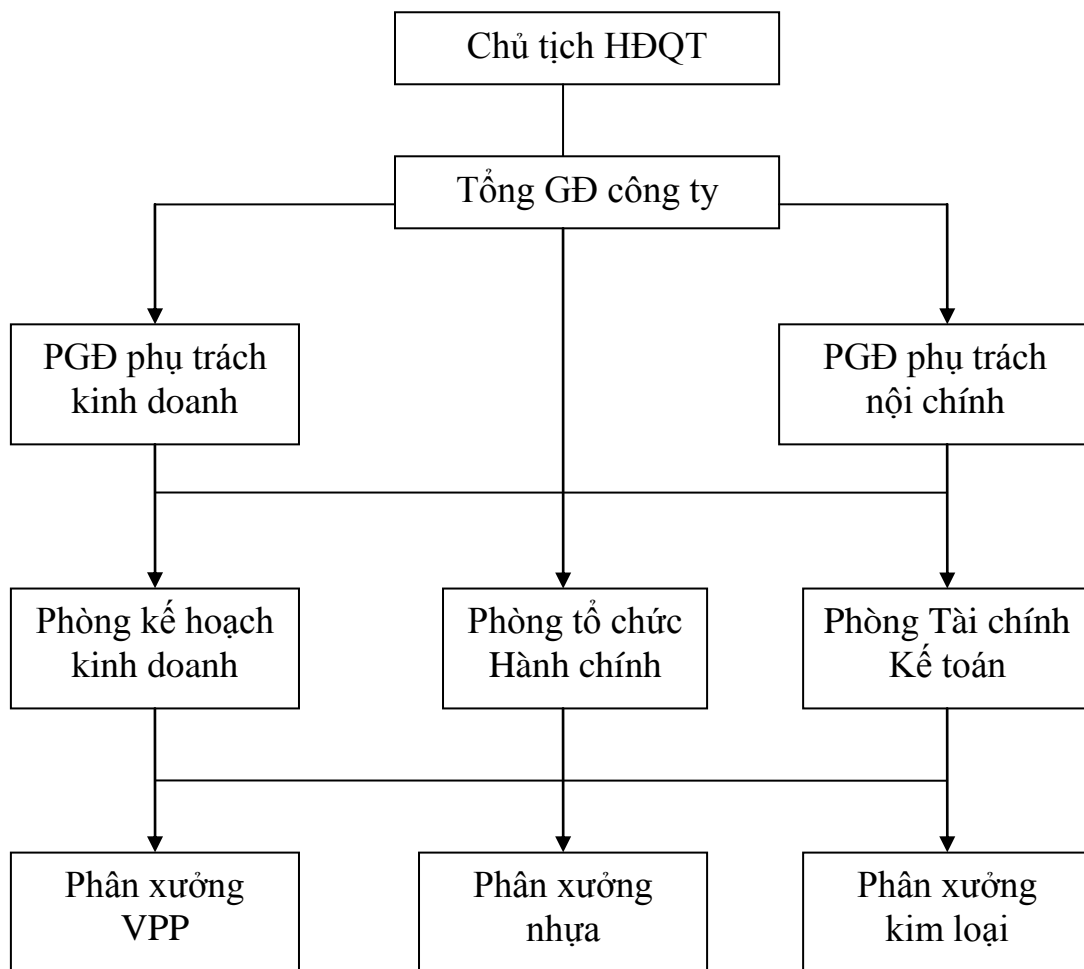
Việc mở rộng quy mô kinh doanh cũng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn và quay vòng vốn.

#### **2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Về công tác tổ chức quản lý doanh nghiệp Công ty cổ phần nhựa HyPhen cũng đã nghiên cứu lập các phòng ban chuyên trách hợp lý nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí để hạ giá thành, đảm bảo cạnh tranh trên thị trường. Nhìn chung bộ máy quản lý của công ty hết sức gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy quản lý trong doanh nghiệp



- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền của Đại hội đồng cổ đông. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện cho công ty trước pháp luật.

- **Tổng giám đốc:** Là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- **Phó giám đốc kinh doanh:** Là người phụ trách công việc kinh doanh, trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất, giám sát, kiểm tra tình hình sản xuất của toàn công ty.

- **Phó giám đốc nội chính:** là người phụ trách công việc nội chính trong công ty như tổ chức đối nội, chủ động giải quyết các tình huống phát sinh, bàn bạc với giám đốc về những biện pháp quản lý trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- **Phòng Kế hoạch - Kinh doanh:** Phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác để nắm vững khả năng, nguồn lực của Công ty, thu thập các thông tin cần thiết, dự báo khả năng và nhu cầu của thị trường để tham mưu cho ban giám đốc xây dựng phương hướng phát triển, lập kế hoạch ngắn và dài hạn.

- **Phòng Tổ chức Hành chính:** Có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho giám đốc về công tác tổ chức cán bộ, lao động - tiền lương, tiếp nhận các công văn, lưu trữ các văn bản của Nhà nước và hồ sơ lý lịch cán bộ công nhân viên...

- **Phòng Tài chính - Kế toán:** Tham mưu cho giám đốc về công tác hạch toán kế toán, quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn. Có nhiệm vụ thu thập, xử lý, lưu trữ các tài liệu có liên quan đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

- **Phân xưởng sản xuất:** có trách nhiệm trực tiếp sản xuất các đơn đặt hàng của công ty.

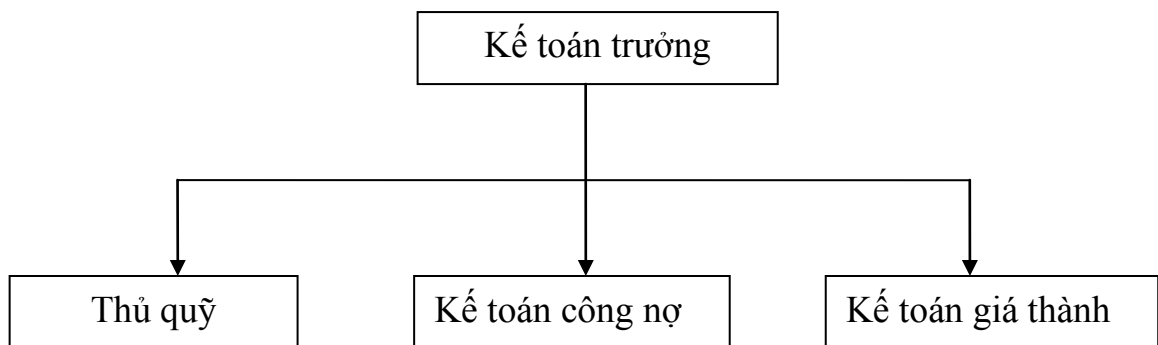
### **2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Công tác kế toán thống kê cũng đã được chấn chỉnh từ sổ sách kế toán, quản lý chứng từ áp dụng theo dõi, quản lý tài chính bằng phần mềm vi tính nên đã phản ánh được tình hình sản xuất kinh doanh kịp thời hơn, chính xác hơn. Năm qua công tác quản lý tài chính của Công ty đó được kiểm toán nhà nước đánh giá là một đơn vị quản lý tốt.

#### *2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần nhựa Hyphen*

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phù hợp, công ty đã lựa chọn mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, cũng như sự chỉ đạo của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.

### Sơ đồ 2.3: Sơ đồ bộ máy kế toán trong doanh nghiệp



- **Kế toán trưởng:** Chỉ đạo tổ chức các phần hành kế toán, kiểm tra giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty, chịu trách nhiệm trước giám đốc về chế độ hạch toán kế toán đồng thời tham vấn cho giám đốc để có thể đưa ra các quyết định đúng đắn.

- **Thủ quỹ:** Có nhiệm vụ quản lý nhập và xuất tiền mặt phục vụ cho hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty. Hàng ngày, phải kiểm kê số tồn quỹ tiền mặt thực tế, đối chiếu với số liệu sổ quỹ tiền mặt và sổ kế toán tiền mặt và báo cáo với kế toán trưởng về tình hình nhập, xuất tiền mặt, tiền gửi trong ngày. Theo dõi quỹ tiền mặt, sổ tiền gửi, chịu trách nhiệm giao dịch với ngân hàng

- **Kế toán công nợ:** Có nhiệm vụ theo dõi công nợ theo từng đối tượng khách hàng (mua, bán, tạm ứng), theo dõi công nợ theo hợp đồng, hạn thanh toán, các khoản phải thu phải trả khác.

- **Kế toán giá thành:** Có nhiệm vụ tập hợp chi phí nguyên vật liệu đầu vào, chi phí sản xuất chung, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định giá thành của sản phẩm, tham mưu cho cấp trên để có chiến lược bán hàng hợp lý.

#### 2.1.5.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty công ty cổ phần nhựa Hyphen

Hệ thống tài khoản kế toán và hệ thống báo cáo tài chính sử dụng ở doanh nghiệp được ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

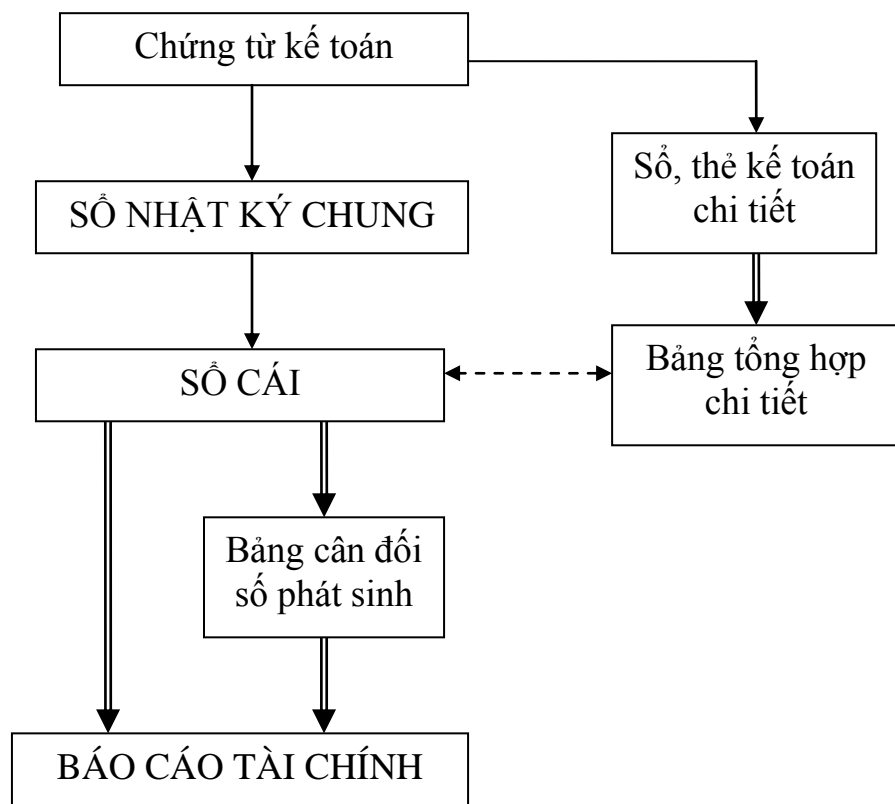
- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Doanh nghiệp tính và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Tính khấu hao TSCĐ theo phương pháp khấu hao đều.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là tiền Việt Nam Đồng (VND)

Để phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện thuận lợi cho việc ghi chép phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, Công ty cổ phần nhựa Hyphen áp dụng hình thức kế toán “NHẬT KÝ CHUNG”.

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán kế toán trong doanh nghiệp**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, cuối kỳ ==>
- Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.->

➤ *Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung*

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh phải được ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra, đối chiếu đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

## **2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen chuyên sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng về áo mưa và đồ dùng văn phòng phẩm. Do đó, doanh thu của công ty chủ yếu là doanh thu tiêu thụ sản phẩm.

#### *2.2.1.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL)
- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02-VT)
- Phiếu thu (Mẫu số 01-TT)
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ chi tiết thanh toán với người mua (Mẫu số S31-DN)
- Bảng tổng hợp chi tiết thanh toán với người mua
- Sổ cái TK 511, TK 111, TK 131

#### *2.2.1.2. Quy trình luân chuyển chứng từ*

Khách hàng có nhu cầu mua sản phẩm, hàng hóa bộ phận bán hàng lập phiếu xuất kho, căn cứ vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.

Phiếu xuất kho được lập thành 4 liên và phải có đầy đủ chữ ký (ký trực tiếp trên từng liên) của người lập phiếu, trưởng bộ phận, giám đốc, thủ kho và khách

hàng. Trong 4 liên của phiếu xuất kho, bộ phận bán hàng giữ 1 liên để theo dõi doanh thu và công nợ phải thu; 1 liên thủ kho giữ để xem như là lệnh xuất kho; 1 liên chuyển cho kế toán để theo dõi doanh thu, công nợ và hàng tồn kho; 1 liên khách hàng giữ để làm cơ sở đối chiếu nhập kho.

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: (Màu tím) Liên gốc lưu tại quyển hoá đơn

Liên 2: (Màu đỏ) Giao cho khách hàng làm chứng từ đi đường và ghi sổ kế toán đơn vị khách hàng.

Liên 3: (Màu xanh) Dùng để thanh toán và ghi sổ kế toán.

Trên Hoá đơn phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Ngày, tháng, năm phát sinh nghiệp vụ, số Hoá đơn.
- Tên đơn vị bán hàng (cung cấp dịch vụ), địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, hình thức thanh toán.
- Tên hàng hoá (dịch vụ cung cấp), số lượng, đơn giá, thành tiền, chiết khấu (nếu có), thuế GTGT, tổng tiền thanh toán.

Kế toán căn cứ vào Hoá đơn GTGT, Phiếu xuất kho để viết phiếu thu và phản ánh vào sổ kế toán.

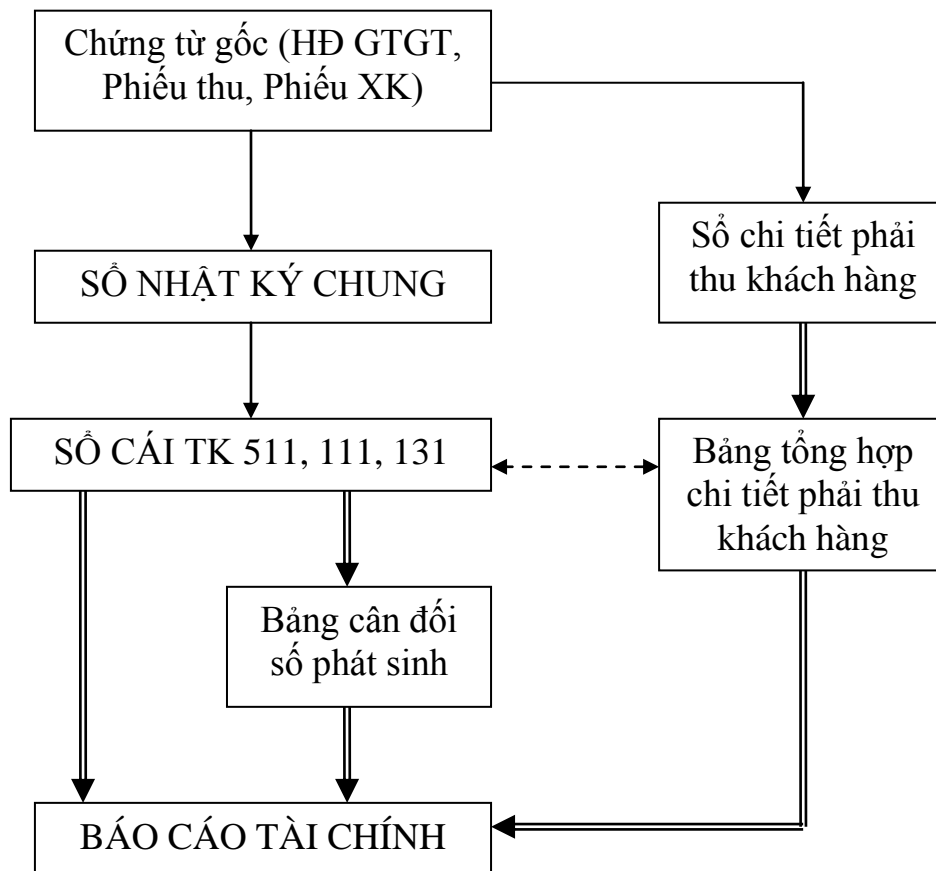
Kế toán sẽ định khoản như sau:

Nợ TK 111, 112, 131 : Tổng giá thanh toán

Có TK 511 : Doanh thu bán hàng

Có TK 3331 : Thuế GTGT đầu ra

**Sơ đồ 2.5: Trình tự hạch toán kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày —————→

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ═══════→

Đối chiếu, kiểm tra ←-----→

*Ví dụ 1:* Ngày 03/11/2010 xuất kho thành phẩm bán cho công ty TNHH thương mại và dịch vụ Tân Đức Anh trên hóa đơn GTGT số 0003867 ghi tổng giá thanh toán là 64.009.000 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty Tân Đức Anh đã thanh toán bằng tiền mặt.

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1111 : 64.009.000

Có TK 511 : 58.190.000

Có TK 3331 : 5.819.000

**Biểu số 2.1: Phiếu xuất kho số 18/11**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP  
 3576795 - 576796

**Mẫu số 02-VT**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 03 tháng 11 năm 2010

Số: 18/11

Họ tên người nhận hàng: Công ty TNHH TM Tân Đức Anh

Địa chỉ: 106C9, Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội

Lý do xuất kho: Xuất bán VPP

Xuất tại kho: VPP

Địa điểm: Công ty cổ phần nhựa Hyphen

| STT | Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa | Mã số  | Đơn vị tính | Số lượng      |               | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|---|--------|-------------|---------------|---------------|---------|------------|
|     |   |        |             | Yêu cầu       | Thực xuất     |         |            |
| A   | B   | C      | D           | 1             | 2             | 3       | 4          |
| 1   | Túi cúc   | HP01   | Cái         | 5.000         | 5.000         |         |            |
| 2   | Túi cúc   | HP04   | Cái         | 10.000        | 10.000        |         |            |
| 3   | Túi cúc   | HP06   | Cái         | 10.000        | 10.000        |         |            |
| 4   | Cặp hộp 20cm  | HP050  | Cái         | 320           | 320           |         |            |
| 5   | Cặp hộp kẹp 7cm   | HP246  | Cái         | 300           | 300           |         |            |
| 6   | Cặp hộp kẹp 10cm  | HP247  | Cái         | 200           | 200           |         |            |
| 7   | Cặp IG 5cm liền   | HP155K | Cái         | 200           | 200           |         |            |
| 8   | Cặp IG 7cm liền   | HP159K | Cái         | 120           | 120           |         |            |
|     | <b>Cộng</b>   |        |             | <b>26.140</b> | <b>26.140</b> |         |            |

Tổng số tiền (Viết bằng chữ):

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



**Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0003867**

| <b>HOÁ ĐƠN</b>  |                          |   | Mẫu số:01 GTKT -3LL |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
|---|--------------------------|---|---------------------|--|-------------------|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>   |                          |   | AT/2010B            |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Liên 3: Nội bộ  |                          |   | 0003867             |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Ngày 03 tháng 11 năm 2010   |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần nhựa Hyphen.....   |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Địa chỉ: Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - HP .....   |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Số tài khoản: .....   |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Điện thoại: .....0313 576795.....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>3</td><td>0</td><td>1</td><td>8</td><td>2</td><td></td><td></td><td></td></tr></table> |                          |   |                     |  |                   | 0 | 2 | 0 | 0 | 6 | 3 | 0 | 1 | 8 | 2 |  |  |  |
| 0   | 2                        | 0   | 0                   | 6  | 3                 | 0 | 1 | 8 | 2 |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Họ tên người mua hàng: Nguyễn Minh Tuấn.....  |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Tân Đức Anh.....  |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Địa chỉ: 106C9, Trần Quốc Hoàn, Cầu Giấy, Hà Nội .....  |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Số tài khoản: .....   |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Hình thức thanh toán: TM .....MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"><tr><td>0</td><td>1</td><td>0</td><td>1</td><td>4</td><td>1</td><td>9</td><td>2</td><td>0</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td></tr></table>    |                          |   |                     |  |                   | 0 | 1 | 0 | 1 | 4 | 1 | 9 | 2 | 0 | 6 |  |  |  |
| 0   | 1                        | 0   | 1                   | 4  | 1                 | 9 | 2 | 0 | 6 |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| STT   | Tên hàng hoá, dịch vụ    | Đơn vị Tính   | Số lượng            | Đơn giá  | Thành tiền        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| A   | B                        | C   | 1                   | 2  | 3=1x2             |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 1   | Túi cúc - HP01           | Cái   | 5.000               | 1.370  | 6.850.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 2   | Túi cúc - HP04           | Cái   | 10.000              | 1.210  | 12.100.000        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 3   | Túi cúc - HP06           | Cái   | 10.000              | 1.030  | 10.300.000        |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 4   | Cặp hộp 20cm - HP050     | Cái   | 320                 | 29.500   | 9.440.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 5   | Cặp hộp kẹp 7cm - HP246  | Cái   | 300                 | 25.000   | 7.500.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 6   | Cặp hộp kẹp 10cm - HP247 | Cái   | 200                 | 28.000   | 5.600.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 7   | Cặp IG 5cm liền - HP155K | Cái   | 200                 | 20.000   | 4.000.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| 8   | Cặp IG 7cm liền - HP159K | Cái   | 120                 | 20.000   | 2.400.000         |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| <b>Cộng tiền hàng:</b>  |                          |   |                     |  | <b>58.190.000</b> |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Thuế GTGT: 10 %   |                          |   | Tiền thuế GTGT:     |  | <b>5.819.000</b>  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| <b>Tổng cộng tiền thanh toán:</b>   |                          |   |                     |  | <b>64.009.000</b> |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Số tiền viết bằng chữ: Sáu mươi bốn triệu, không trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn /.  |                          |   |                     |  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| <b>Người mua hàng</b><br><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i>   |                          | <b>Người bán hàng</b><br><i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> |                     | <b>Thủ trưởng đơn vị</b><br><i>(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</i> |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |
| Nguyễn Minh Tuấn  |                          | Nguyễn Thị Ân                                       |                     | Vũ Văn Tùng  |                   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.3: Phiếu thu số 07**

|   |  |  |   |   |
|---|--|--|---|---|
| Công ty cổ phần nhựa Hyphen<br>Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP<br>3576795 - 576796  | <b>Mẫu số 01-TT</b><br>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC<br>ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) |  |   |   |
| <h2 style="margin: 0;">PHIẾU THU</h2> <p style="margin: 0;">Số : 07</p> <p style="margin: 0;">Ngày 03 tháng 11 năm 2010</p>   |  |  |   |   |
| Nợ TK 1111 : 64.009.000<br>Có TK 511 : 58.190.000<br>Có TK 3331 : 5.819.000   |  |  |   |   |
| <p><b>Người nộp tiền:</b> <i>Nguyễn Minh Tuấn</i> .....</p> <p><b>Địa chỉ:</b> Công ty TNHH TM&amp;DV Tân Đức Anh.....</p> <p><b>Lý do nộp:</b> Thu tiền hàng VPP .....</p> <p><b>Số tiền:</b> <b>64.009.000</b>, (Viết bằng chữ): <i>Sáu mươi bốn triệu, không trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn /.</i></p> <p><b>Kèm theo:</b> HĐ 0003867 ...Chứng từ gốc.</p> |  |  |   |   |
| Ngày 03 tháng 11 năm 2010   |  |  |   |   |
| <p style="text-align: center;"><b>Giám đốc</b><br/><i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i></p>  | <p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b><br/><i>(Ký, họ tên)</i></p>                 | <p style="text-align: center;"><b>Người nộp tiền</b><br/><i>(Ký, họ tên)</i></p> | <p style="text-align: center;"><b>Người lập phiếu</b><br/><i>(Ký, họ tên)</i></p> | <p style="text-align: center;"><b>Thủ quỹ</b><br/><i>(Ký, họ tên)</i></p> |
| <p>Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): <i>Sáu mươi bốn triệu, không trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn /.</i></p> <p>+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....</p> <p>+ Số tiền quy đổi:.....</p>   |  |  |   |   |

*(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)*

**Biểu số 2.4: Trích sổ Nhật ký chung tháng 11/2010**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S03-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2010

Trang 1

Đơn vị tính: Đồng

| Ngày                         | Chứng từ |       | Diễn giải   | Số hiệu TK |       | Số tiền              |
|------------------------------|----------|-------|---|------------|-------|----------------------|
|                              | Số hiệu  | Ngày  |   | Nợ         | Có    |                      |
| <b>Số Phát sinh tháng 11</b> |          |       |   |            |       |                      |
| .....                        | .....    | ..... | .....   | ....       | ....  | .....                |
| 01/11                        | PT01     | 01/11 | Ân - Rút tiền từ 58384769                         | 1111       | 1123  | 37.000.000           |
| 01/11                        | PC01     | 01/11 | Anh Tam - Thanh toán tiền hàng                    | 3316       | 1111  | 15.000.000           |
| 02/11                        | PT02     | 02/11 | Thành - Thu tiền hàng VPP                         | 1111       | 13148 | 20.000.000           |
| 02/11                        | PT03     | 02/11 | Anh Hà - Thu tiền hàng                            | 1111       | 511   | 20.000.000           |
| 02/11                        | PT03     | 02/11 | Anh Hà - Thu tiền hàng                            | 1111       | 3331  | 2.000.000            |
| 02/11                        | HĐ3845   | 02/11 | Thuận Lê - Bán hàng chưa thu tiền                 | 13192      | 511   | 16.250.000           |
| 02/11                        | HĐ3845   | 02/11 | Thuận Lê - Bán hàng chưa thu tiền                 | 13192      | 3331  | 1.625.000            |
| 02/11                        | PT05     | 02/11 | Đông Nam - Thu tiền hàng                          | 1111       | 13137 | 1.645.000            |
| 02/11                        | PT06     | 02/11 | Lan Anh - Thu tiền hàng                           | 1111       | 13167 | 7.000.000            |
| 02/11                        | PC02     | 02/11 | Chị Hằng - Thanh toán tiền hàng                   | 3312       | 1111  | 20.408.000           |
| 03/11                        | PT07     | 03/11 | Tân Đức Anh - Bán hàng thu bằng tiền mặt          | 1111       | 511   | 58.190.000           |
| 03/11                        | PT07     | 03/11 | Tân Đức Anh - Bán hàng thu bằng tiền mặt          | 1111       | 3331  | 5.819.000            |
| 03/11                        | PC03     | 03/11 | Thanh toán tiền bồi dưỡng hợp giao ban ngày 01/11 | 642        | 1111  | 900.000              |
| .....                        | .....    | ..... | .....   | ....       | ....  | .....                |
| 09/11                        | HĐ3875   | 09/11 | Tân Đức Anh - Bán hàng chưa thu tiền              | 13139      | 511   | 32.425.000           |
| 09/11                        | HĐ3875   | 09/11 | Tân Đức Anh - Bán hàng chưa thu tiền              | 13139      | 3331  | 3.242.500            |
| 09/11                        | PC23     | 09/11 | Thanh toán cước vận chuyển hàng cho Hồng Hà       | 641        | 1111  | 940.000              |
| 09/11                        | PC23     | 09/11 | Thanh toán cước vận chuyển hàng cho Hồng Hà       | 133        | 1111  | 94.000               |
| 10/11                        | PT25     | 10/11 | Chúc - Thu hồi tạm ứng                            | 1111       | 1411  | 1.000.000            |
| 10/11                        | PC26     | 10/11 | Thanh toán tiền đồ mực máy in                     | 641        | 1111  | 70.000               |
| <b>Cộng chuyển trang sau</b> |          |       |   |            |       | <b>4.592.750.932</b> |

| Ngày                              | Chứng từ |       | Diễn giải   | Số hiệu TK |       | Số tiền               |
|-----------------------------------|----------|-------|---|------------|-------|-----------------------|
|                                   | Số hiệu  | Ngày  |   | Nợ         | Có    |                       |
| <b>Số trang trước chuyển sang</b> |          |       |   |            |       | <b>4.592.750.932</b>  |
| .....                             | .....    | ..... | .....   | .....      | ..... | .....                 |
| 18/11                             | PT50     | 18/11 | Thuận Lê - Thu tiền hàng                                      | 1111       | 13192 | 15.000.000            |
| 18/11                             | PC54     | 18/11 | Thanh toán mua màn hình rèm PGĐ                               | 642        | 1111  | 1.710.000             |
| 19/11                             | PT54     | 19/11 | Ân – Rút tiền từ 58384769                                     | 1111       | 1123  | 40.000.000            |
| 19/11                             | PT55     | 19/11 | Thu tiền thanh lý máy cán nhựa                                | 1111       | 711   | 15.750.000            |
| 19/11                             | PT55     | 19/11 | Thu tiền thanh lý máy cán nhựa                                | 1111       | 3331  | 1.575.000             |
| 19/11                             | TSCĐ     | 19/11 | Ghi giảm máy cán nhựa   | 214        | 211   | 24.500.000            |
| 19/11                             | TSCĐ     | 19/11 | Ghi giảm máy cán nhựa   | 811        | 211   | 10.500.000            |
| 19/11                             | PC57     | 19/11 | Thanh toán cước gửi hàng Đà Nẵng                              | 641        | 1111  | 1.156.000             |
| 19/11                             | PC57     | 19/11 | Thanh toán cước gửi hàng Đà Nẵng                              | 133        | 1111  | 115.600               |
| .....                             | .....    | ..... | .....   | .....      | ..... | .....                 |
| 22/11                             | PT58     | 22/11 | Công ty Đỗ Gia đặt trước tiền hàng                            | 1111       | 1314  | 50.000.000            |
| 22/11                             | PT59     | 22/11 | Cương Hùng – Thu tiền hàng                                    | 1111       | 13111 | 8.000.000             |
| 22/11                             | PC68     | 22/11 | Thanh toán tiền mua bao bì                                    | 3316       | 1111  | 50.000.000            |
| 22/11                             | PC69     | 22/11 | Thanh toán tiền mua bóng cao tần                              | 242        | 1111  | 6.577.000             |
| 22/11                             | PC70     | 22/11 | Thanh toán tiền vỏ phi  | 627        | 1111  | 2.920.000             |
| 23/11                             | PT60     | 23/11 | Phượng rút tiền từ 42012019                                   | 1111       | 1122  | 12.000.000            |
| 23/11                             | PC71     | 23/11 | Nộp tiền vào TK ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn | 1121       | 1111  | 300.000.000           |
| .....                             | .....    | ..... | .....   | .....      | ..... | .....                 |
| 29/11                             | PT98     | 29/11 | Thu tiền bán phế liệu   | 1111       | 711   | 3.375.000             |
| 30/11                             | PT99     | 30/11 | Hùng Thủy - Thu tiền hàng                                     | 1111       | 13198 | 10.000.000            |
| 30/11                             | PX135    | 30/11 | Xuất hủy thành phẩm   | 811        | 155   | 4.088.188             |
| 30/11                             | GBC12    | 30/11 | Giấy báo lãi tiền gửi ngân hàng Á Châu                        | 1122       | 515   | 53.164                |
| 30/11                             | PC105    | 30/11 | Thanh toán lãi vay ngoài T11                                  | 635        | 1111  | 18.500.000            |
| 30/11                             | BKCK     | 30/11 | Tân Đức Anh - Chiết khấu thương mại                           | 521        | 13139 | 11.538.000            |
| 30/11                             | BKHTV    | 30/11 | Tân Đức Anh – Trả lại hàng                                    | 531        | 13139 | 12.923.100            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển thuế GTGT  | 3331       | 133   | 1.488.970             |
| <b>Cộng chuyển trang sau</b>      |          |       |   |            |       | <b>14.828.250.101</b> |

| Ngày                              | Chứng từ |       | Diễn giải                          | Số hiệu TK |      | Số tiền               |
|-----------------------------------|----------|-------|------------------------------------|------------|------|-----------------------|
|                                   | Số hiệu  | Ngày  |                                    | Nợ         | Có   |                       |
| <b>Số trang trước chuyển sang</b> |          |       |                                    |            |      | <b>14.828.250.101</b> |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chiết khấu thương mại   | 521        | 511  | 65.480.492            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển hàng bán trả lại        | 531        | 511  | 254.749.100           |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu | 154        | 621  | 1.093.338.060         |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí nhân công       | 154        | 622  | 195.499.000           |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí sản xuất chung  | 154        | 627  | 221.355.872           |
| 30/11                             | PN35     | 30/11 | Nhập kho thành phẩm                | 155        | 154  | 1.761.999.406         |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Giá vốn hàng bán                   | 632        | 155  | 1.447.030.189         |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Giá vốn hàng bán bị trả lại        | 155        | 632  | 180.523.843           |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển doanh thu bán hàng      | 511        | 911  | 1.634.380.452         |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển doanh thu tài chính     | 515        | 911  | 53.164                |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển thu nhập khác           | 711        | 911  | 50.148.616            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển giá vốn hàng bán        | 911        | 632  | 1.266.506.346         |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí tài chính       | 911        | 635  | 44.933.000            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí bán hàng        | 911        | 641  | 98.772.647            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí quản lý DN      | 911        | 642  | 57.568.245            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí khác            | 911        | 811  | 24.532.035            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 821        | 3334 | 45.567.490            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển chi phí thuế TNDN       | 911        | 821  | 45.567.490            |
| 30/11                             | BKQT     | 30/11 | Kết chuyển lãi trong kỳ            | 911        | 421  | 146.702.469           |
| <b>Cộng số phát sinh tháng 11</b> |          |       |                                    |            |      | <b>23.946.112.593</b> |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.5: Trích Sổ Cái TK 111**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
111 – Tiền mặt

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                                | SHTK đối ứng | Số tiền              |                      |
|------------------------------------|----------|---------|--|--------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |  |              | Nợ                   | Có                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |  |              | <b>32.985.000</b>    |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |  |              |                      |                      |
| 02/11                              | PT03     | 02/11   | Anh Hà - Thu tiền bán hàng               | 511          | 20.000.000           |                      |
| 02/11                              | PT03     | 02/11   | Anh Hà - Thu tiền bán hàng               | 3331         | 2.000.000            |                      |
| 03/11                              | PT07     | 03/11   | Tân Đức Anh – Bán hàng thu bằng tiền mặt | 511          | 58.190.000           |                      |
| 03/11                              | PT07     | 03/11   | Tân Đức Anh – Bán hàng thu bằng tiền mặt | 3331         | 5.819.000            |                      |
| ....                               | ....     | .....   | .....                                    | .....        | .....                | .....                |
| 30/11                              | PC105    | 30/11   | Thanh toán lãi vay ngoài T11/2010        | 635          |                      | 18.500.000           |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |  |              | <b>3.760.371.493</b> | <b>3.562.241.423</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |  |              | <b>231.115.070</b>   |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.6: Trích sổ Cái TK 511**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**511 – Doanh thu bán hàng**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                                | SHTK đối ứng | Số tiền              |                      |
|------------------------------------|----------|---------|--|--------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |  |              | Nợ                   | Có                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |  |              |                      |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |  |              |                      |                      |
| 02/11                              | PT03     | 02/11   | Anh Hà - Thu tiền bán hàng               | 1111         |                      | 20.000.000           |
| 02/11                              | HĐ3845   | 02/11   | Thuận Lê - Bán hàng chưa thu tiền        | 13192        |                      |                      |
| 03/11                              | PT07     | 03/11   | Tân Đức Anh – Bán hàng thu bằng tiền mặt | 1111         |                      | 58.190.000           |
| ....                               | ....     | .....   | .....                                    | .....        | .....                | .....                |
| 09/11                              | HĐ3875   | 09/11   | Tân Đức Anh - Bán hàng chưa thu tiền     | 13139        |                      | 32.425.000           |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển doanh thu bán hàng            | 911          | 1.634.380.452        |                      |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |  |              | <b>1.634.380.452</b> | <b>1.634.380.452</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |  |              |                      |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
 (Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.7: Trích Sổ chi tiết thanh toán với người mua**

|  |   |
|--|---|
| Công ty cổ phần nhựa Hyphen<br>Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng<br>3576795 - 576796 | <b>Mẫu số S31-DN</b><br>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC<br>ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) |
|--|---|

## SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 11 năm 2010

Tài khoản : **13139**

Đối tượng: **Công ty TNHH TM&DV Tân Đức Anh**

Đơn vị tính: *Đồng*

| Ngày, tháng | Chứng từ |             | Diễn giải                            | TKĐƯ | Số phát sinh       |                    | Số dư              |       |
|-------------|----------|-------------|--------------------------------------|------|--------------------|--------------------|--------------------|-------|
|             | Số hiệu  | Ngày, tháng |                                      |      | Nợ                 | Có                 | Nợ                 | Có    |
|             |          |             | <b>Số dư đầu kỳ</b>                  |      |                    |                    | <b>430.282.688</b> |       |
|             |          |             | <b>Số phát sinh trong kỳ</b>         |      |                    |                    |                    |       |
| 09/11       | HĐ3875   | 09/11       | Tân Đức Anh - Bán hàng chưa thu tiền | 511  | 32.425.000         |                    | 462.707.688        |       |
| 09/11       | HĐ3875   | 09/11       | Tân Đức Anh - Bán hàng chưa thu tiền | 3331 | 3.242.500          |                    | 465.950.188        |       |
| .....       | .....    | .....       | .....                                | .... | .....              | .....              | .....              | ..... |
| 30/11       | BKCK     | 30/11       | Tân Đức Anh - Chiết khấu thương mại  | 521  |                    | 11.538.000         | 592.504.882        |       |
| 30/11       | BKHTV    | 30/11       | Tân Đức Anh – Trả lại hàng           | 531  |                    | 12.923.100         | 605.427.982        |       |
|             |          |             | <b>Cộng số phát sinh</b>             |      | <b>379.606.400</b> | <b>204.461.106</b> |                    |       |
|             |          |             | <b>Số dư cuối kỳ</b>                 |      |                    |                    | <b>605.427.982</b> |       |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



**2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Mặc dù công ty đã kiểm tra hàng hoá trước khi bán nhưng vẫn còn tồn tại một số lượng hàng bị trả lại gây giảm trừ doanh thu. Lý do có thể do khâu vận chuyển, bảo quản dẫn đến hàng bị giảm chất lượng. Giá trị của hàng bị trả lại sẽ điều chỉnh doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kì.

Trong một số trường hợp những người mua vẫn chấp nhận thanh toán số hàng trên với điều kiện giảm giá bán. Với mức giảm theo thoả thuận của cả hai bên. Tuy nhiên trong tháng 11, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến giảm giá hàng bán nên em không trích dẫn ra đây.

Ngoài ra, công ty còn áp dụng phương thức chiết khấu thương mại đối với một số khách hàng thường xuyên mua với số lượng lớn để nhằm kích thích tiêu thụ hàng hóa. Nghĩa là khách hàng sẽ được hưởng tỷ lệ phần trăm giảm trừ tương ứng với khối lượng hàng mua theo quy định.

- Để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng các tài khoản:
  - + TK 521: Chiết khấu thương mại
  - + TK 531: Hàng bán bị trả lại

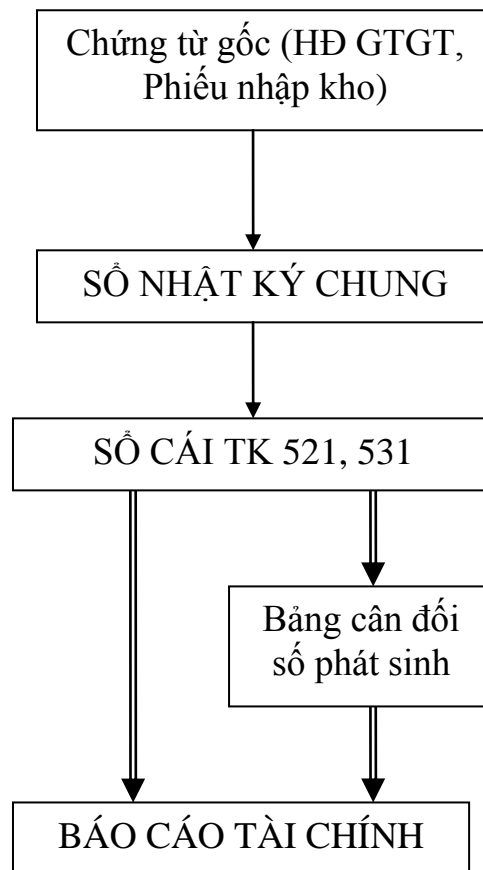
**2.2.2.1. Chứng từ và sổ sách sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Sổ cái TK 521, 531, 511
- Sổ sách chứng từ có liên quan khác

**2.2.2.2 Quy trình luân chuyển các khoản giảm trừ doanh thu**

Từ các chứng từ liên quan, kế toán vào sổ Nhật ký chung. Căn cứ vào Nhật ký chung sau đó tiến hành ghi vào Sổ cái TK 521, 531. Cuối cùng, kết chuyển sang TK 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**Sơ đồ 2.6: Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối kỳ  $\Longrightarrow$

*Ví dụ 2:* Ngày 30/11/2010 Công ty cho công ty TNHH TM&DV Tân Đức Anh hưởng khoản chiết khấu thương mại là 11.538.000 đồng trừ vào nợ phải thu do trong kỳ công ty mua với số lượng lớn.

Nợ TK 521 : 11.538.000

Có TK 13139 : 11.538.000

*Ví dụ 3:* Ngày 30/11/2010 Công ty TNHH TM&DV Tân Đức Anh xuất thành phẩm trả lại công ty do xuất sai chủng loại trị giá hàng là 12.923.100 đồng.

Nợ TK 531 : 12.823.100

Có TK 13139 : 12.923.100

**Biểu số 2.8: Trích sổ Cái TK 521**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**521 - Chiết khấu thương mại**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                               | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|---|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |   |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |   |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |   |              |            |                   |                   |
| 30/11                              | BKCK     | 30/11   | Cán Xuân Hào – Chiết khấu thương mại    | 13111        | 4.550.600  |                   |                   |
| 30/11                              | BKCK     | 30/11   | Tân Đức Anh – Chiết khấu thương mại     | 13139        | 11.538.000 |                   |                   |
| ....                               | ....     | .....   | .....                                   | .....        | .....      | .....             |                   |
| 30/11                              | BKCK     | 30/11   | PHS Thái Nguyên – Chiết khấu thương mại | 13159        | 2.489.760  |                   |                   |
| 30/11                              | BKCK     | 30/11   | Thuận Lê – Chiết khấu thương mại        | 13192        | 1.512.000  |                   |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chiết khấu thương mại        | 511          |            | 65.480.492        |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |   |              |            | <b>65.480.492</b> | <b>65.480.492</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |   |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
 (Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.9: Trích sổ Cái TK 531**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
**531 – Hàng bán bị trả lại**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi sổ                       | Chứng từ |         | Diễn giải                   | SHTK đối ứng | Số tiền     |                    |                    |
|------------------------------------|----------|---------|-----------------------------|--------------|-------------|--------------------|--------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                             |              | Nợ          | Có                 |                    |
| <b>Số dư đầu năm</b>               |          |         |                             |              |             |                    |                    |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                             |              |             |                    |                    |
| 30/11                              | BKHTV    | 30/11   | Anh Hồng - trả lại hàng     | 13128        | 228.010.000 |                    |                    |
| 30/11                              | BKHTV    | 30/11   | Tân Đức Anh - trả lại hàng  | 13139        | 12.923.100  |                    |                    |
| ....                               | ....     | .....   | .....                       | .....        | .....       | .....              |                    |
| 30/11                              | BKHTV    | 30/11   | Thuận Lê – trả lại hàng     | 13192        | 2.400.000   |                    |                    |
| 30/11                              | BKHTV    | 30/11   | Hương Thủy - trả lại hàng   | 131120       | 4.200.000   |                    |                    |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển hàng bán trả lại | 511          |             | 254.749.100        |                    |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                             |              |             | <b>254.749.100</b> | <b>254.749.100</b> |
| <b>Số dư cuối năm</b>              |          |         |                             |              |             |                    |                    |

Ngày 30 tháng 11 .năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

### 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Nhựa Hyphen

Công ty cổ phần nhựa Hyphen hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu là lĩnh vực sản xuất áo mưa và đồ dùng văn phòng phẩm. Giá vốn hàng bán của công ty bao gồm các chi phí phát sinh như: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung .

#### 2.2.3.1. Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho

Doanh nghiệp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Theo phương pháp này, căn cứ vào giá trị thực tế của sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ, kế toán xác định được giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hóa. Căn cứ vào số lượng sản phẩm, hàng hóa xuất ra trong kỳ và giá đơn vị bình quân để xác định giá trị thực tế xuất kho trong kỳ.

Công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá vốn thực tế của sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng sản phẩm, hàng hóa nhập trong kỳ}}$$

#### 2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 155: thành phẩm

#### 2.2.3.3. Chứng từ, sổ sách sử dụng

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan
- Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**)
- Sổ cái TK632, TK154

#### 2.2.3.4. Quy trình hạch toán

Từ các chứng từ và sổ sách kế toán, định kỳ hàng tháng, kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang:

Nợ TK 154 : Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 621 : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Có TK 622 : Chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 627 : Chi phí sản xuất chung

Sau đó tiến hành nhập kho thành phẩm

Nợ TK 155

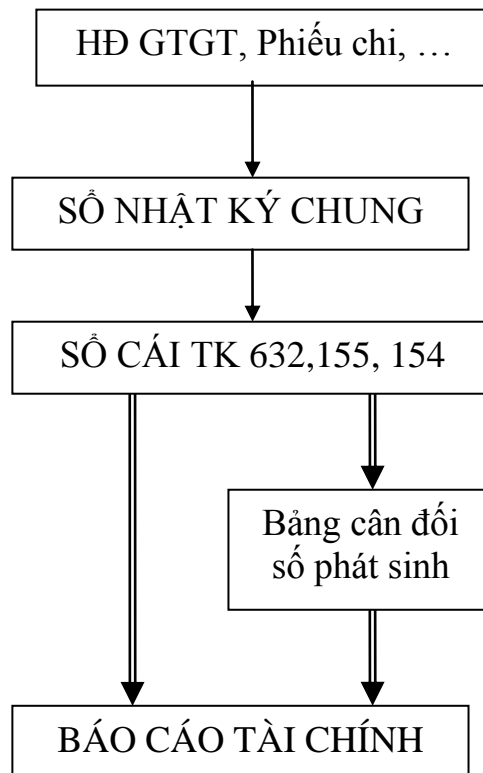
Có TK 154

Cuối kỳ tổng hợp giá vốn hàng bán

Nợ TK 632

Có TK 155

**Sơ đồ 2.7: Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, cuối kỳ ==>

**Biểu số 2.10: Trích sổ Cái TK 154**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày,<br>ghi số                    | Chứng từ |         | Diễn giải                                 | SHTK<br>đối ứng | Số tiền              |                      |
|------------------------------------|----------|---------|---|-----------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |   |                 | Nợ                   | Có                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |   |                 | <b>1.256.833.686</b> |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |   |                 |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp | 621             | 1.093.338.060        |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp       | 622             | 195.499.000          |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Tập hợp chi phí sản xuất chung            | 627             | 221.355.872          |                      |
| 30/11                              | PN34     | 30/11   | Nhập kho thành phẩm                       | 155             |                      | 1.761.999.406        |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |   |                 | <b>1.510.192.932</b> | <b>1.761.999.406</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |   |                 | <b>1.005.027.212</b> |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.11: Trích sổ Cái TK 155**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
**155 - Thành phẩm**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                   | SHTK đối ứng | Số tiền              |                      |
|------------------------------------|----------|---------|-----------------------------|--------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                             |              | Nợ                   | Có                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                             |              | <b>973.866.836</b>   |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                             |              |                      |                      |
| 30/11                              | PN34     | 30/11   | Nhập kho thành phẩm         | 154          | 1.761.999.406        |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Giá vốn hàng bán            | 632          |                      | 1.447.030.189        |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Giá vốn hàng bán bị trả lại | 632          | 180.523.843          |                      |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                             |              | <b>1.924.523.249</b> | <b>1.447.030.189</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                             |              | <b>1.452.359.896</b> |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



**Biểu số 2.12: Trích sổ Cái TK 632**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
**632 - Giá vốn hàng bán**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                   | SHTK đối ứng | Số tiền       |                      |                      |
|------------------------------------|----------|---------|-----------------------------|--------------|---------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                             |              | Nợ            | Có                   |                      |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                             |              |               |                      |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                             |              |               |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Giá vốn hàng bán            | 155          | 1.447.030.189 |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Giá vốn hàng bán bị trả lại | 155          |               | 180.523.843          |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển giá vốn hàng bán | 911          |               | 1.266.506.346        |                      |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                             |              |               | <b>1.447.030.189</b> | <b>1.447.030.189</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                             |              |               |                      |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

#### **2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Chi phí bán hàng của Công ty bao gồm: Chi phí nhân viên bán hàng; Chi phí dụng cụ, đồ dùng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp của Công ty bao gồm: Chi phí nhân viên quản lý; Chi phí đồ dùng văn phòng; Chi phí khấu hao TSCĐ; Thuế, phí và lệ phí; Chi phí dịch vụ mua ngoài; Chi phí bằng tiền khác.

##### *2.2.4.1. Tài khoản sử dụng*

Đề hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp công ty sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty chỉ sử dụng TK cấp 1 mà không sử dụng các TK chi tiết cấp 2.

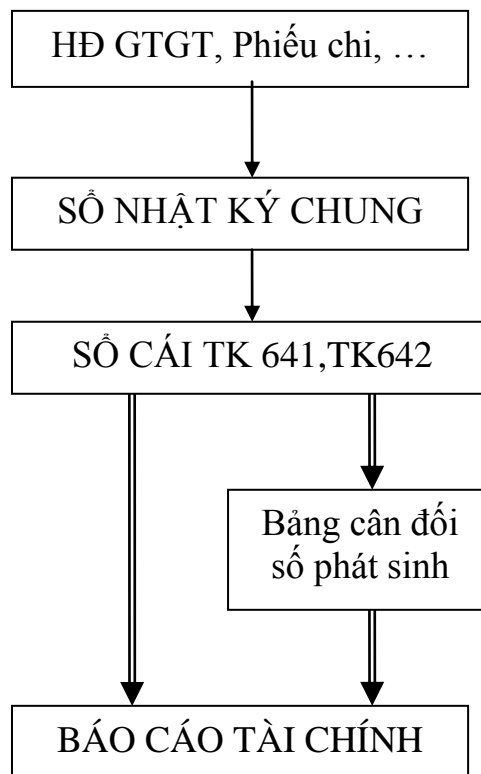
##### *2.2.4.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Bảng phân bổ lương và BHXH.
- Bảng tính và trích khấu hao TSCĐ.
- Các chứng từ khác có liên quan.
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, TK 642
- Sổ cái các tài khoản liên quan.

##### *2.2.4.3. Quy trình hạch toán*

Căn cứ vào các chứng từ liên quan đến chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp kế toán vào Sổ Nhật ký chung và Sổ Cái TK 641, TK 642, Sổ Cái các TK liên quan.

**Sơ đồ 2.8. Trình tự hạch toán chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối kỳ  $\Longrightarrow$

*Ví dụ 4:* Ngày 09/11 Công ty thanh toán tiền cước vận chuyển hàng cho công ty VPP Hồng Hà số tiền là 940.000, thuế GTGT 10%.

Nợ TK 641 : 940.000

Nợ TK 133 : 94.000

Có TK 1111 : 1.034.000

Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán, kế toán viết phiếu chi số 23, sau đó vào sổ Nhật ký chung (*xem biểu số 2.4*) và vào sổ cái TK 641.

**Biểu số 2.14: Giấy đề nghị thanh toán**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP  
3576795 - 576796

**Mẫu số 05-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Ngày 09 tháng 11 năm 2010

**Kính gửi: Công ty cổ phần nhựa Hyphen**

**Họ tên người đề nghị thanh toán:** Phan Tiên Thành

**Địa chỉ:** Phòng bán hàng

**Nội dung thanh toán:** Thanh toán cước vận chuyển hàng cho Hồng Hà

**Số tiền:** 1.034.000,

**Viết bằng chữ:** Một triệu, không trăm ba mươi tư nghìn đồng chẵn /.

Ngày 09 tháng 11 năm 2010

**Người đề nghị thanh toán**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.15 : Phiếu chi số 23**

|   |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
|---|--|---------------------------------------|--|--------------------------------|-----------|---|--------|------------|---|-----------|
| Công ty cổ phần nhựa Hyphen<br>Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP<br>3576795 - 576796  | <b>Mẫu số 02-TT</b><br>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC<br>ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC) |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2> <p style="margin: 0;">Số : 23</p> <p style="margin: 0;">Ngày 09 tháng 11 năm 2010</p> <table style="margin: 0 auto; border: none;"> <tr> <td style="padding: 0 10px;">Nợ TK 641</td> <td style="padding: 0 10px;">:</td> <td style="padding: 0 10px;">940.000</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;">Nợ TK 133</td> <td style="padding: 0 10px;">:</td> <td style="padding: 0 10px;">94.000</td> </tr> <tr> <td style="padding: 0 10px;">Có TK 1111</td> <td style="padding: 0 10px;">:</td> <td style="padding: 0 10px;">1.034.000</td> </tr> </table> |  | Nợ TK 641                             | :                                      | 940.000                        | Nợ TK 133 | : | 94.000 | Có TK 1111 | : | 1.034.000 |
| Nợ TK 641   | :  | 940.000                               |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| Nợ TK 133   | :  | 94.000                                |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| Có TK 1111  | :  | 1.034.000                             |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Người nộp tiền:</b> <i>Phan Tiến Thành</i> .....   |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Địa chỉ:</b> Phòng bán hàng .....  |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Lý do chi:</b> Thanh toán tiền vận chuyển hàng cho Hồng Hà .....   |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Số tiền:</b> <i>1.034.000</i> , (Viết bằng chữ): <i>Một triệu không trăm ba tư nghìn đồng chẵn</i> /.  |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Kèm theo:</b> 01 Giấy ĐNTT.... Chứng từ gốc.   |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| Ngày 09 tháng 11 năm 2010   |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| <b>Giám đốc</b><br>(Ký, họ tên, đóng dấu)   | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên)  | <b>Người nộp tiền</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Người lập phiếu</b><br>(Ký, họ tên) | <b>Thủ quỹ</b><br>(Ký, họ tên) |           |   |        |            |   |           |
| Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): <i>Một triệu không trăm ba tư nghìn đồng chẵn</i> /.  |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| + Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý): .....  |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |
| + Số tiền quy đổi: .....  |  |                                       |  |                                |           |   |        |            |   |           |

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.16: Trích sổ Cái TK 641**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**641 – Chi phí bán hàng**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                                   | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|---|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |   |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |   |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |   |              |            |                   |                   |
| 09/11                              | PC23     | 09/11   | Thanh toán cước vận chuyển hàng cho Hồng Hà | 1111         | 940.000    |                   |                   |
| 10/11                              | PC26     | 10/11   | Thanh toán tiền đồ mực máy in               | 1111         | 70.000     |                   |                   |
| ....                               | ....     | .....   | .....                                       | .....        | .....      | .....             |                   |
| 19/11                              | PC57     | 19/11   | Thanh toán cước gửi hàng đi Đà Nẵng         | 1111         | 1.156.000  |                   |                   |
| 30/11                              | BPBL     | 30/11   | Phân bổ lương tháng 11/2010                 | 334          | 39.152.000 |                   |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí bán hàng                 |              |            | 98.772.647        |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |   |              |            | <b>98.772.647</b> | <b>98.772.647</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |   |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.17: Trích Sổ Cái TK 642**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                                    | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|--|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |  |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |  |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |  |              |            |                   |                   |
| 03/11                              | PC03     | 03/11   | Thanh toán tiền bồi dưỡng họp giao ban 01/11 | 1111         | 900.000    |                   |                   |
| 05/11                              | PC10     | 05/11   | Thanh toán tiền mua đồ dùng dọn vệ sinh      | 1111         | 255.000    |                   |                   |
| ....                               | ....     | .....   | .....  | .....        | .....      | .....             |                   |
| 18/11                              | PC54     | 18/11   | Thanh toán tiền mua màn rèm PGĐ              | 1111         | 1.710.000  |                   |                   |
| 30/11                              | BPBL     | 30/11   | Phân bổ lương tháng 11/2010                  | 334          | 25.687.000 |                   |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp      | 911          |            | 57.568.245        |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |  |              |            | <b>57.568.245</b> | <b>57.568.245</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |  |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

### 2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần nhựa Hyphen

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và doanh thu hoạt động tài chính khác.

Chi phí tài chính của công ty bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay.

#### 2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

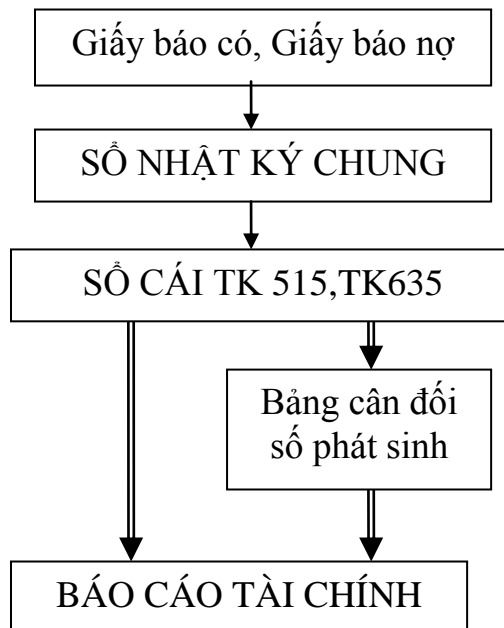
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

#### 2.2.5.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng

- Giấy báo Có, Giấy báo Nợ.
- Phiếu chi.
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có).
- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515, TK 635.

#### 2.2.5.3. Quy trình luân chuyển chứng từ

**Sơ đồ 2.9: Trình tự hạch toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối kỳ  $\Longrightarrow$



*Ví dụ 5:* Ngày 30/11/2010 Công ty nhận được giấy báo có trả lãi tiền gửi của ngân hàng Á Châu - ACB, số tiền: 53,164 đồng.

Nợ TK 1122 : 53.164

Có TK 515 : 53.164

Căn cứ vào giấy báo có trả lãi tiền gửi của ngân hàng Á Châu, kế toán vào sổ Nhật ký chung (*xem biểu số 2.4*), sau đó vào sổ Cái TK 515.

*Ví dụ 6:* Ngày 30/11/2010 Công ty thanh toán tiền lãi vay ngoài tháng 11 cho chị Hà là 18.500.000 đồng.

Nợ TK 635 : 18.500.000

Có TK 1111 : 18.500.000

Căn cứ vào phiếu chi số 105, kế toán vào sổ Nhật ký chung (*xem biểu số 2.4*), sau đó vào sổ Cái TK 635

***Biểu số 2.18: Giấy báo có trả lãi tiền gửi***

Ngân hàng Á Châu – ACB

**GIẤY BÁO CÓ TRẢ LÃI TIỀN GỬI**

*Ngày 30 tháng 11 năm 2010*

Tên đơn vị: ***Công ty cổ phần nhựa Hyphen***

Số tài khoản: 2111.205.027.033

Ngân hàng chúng tôi xin thông báo về lãi tiền gửi của quý khách như sau:

| Từ ngày    | Đến ngày   | Lãi suất          | Tiền lãi         |
|------------|------------|-------------------|------------------|
| 01/11/2010 | 30/11/2010 | 2.400             | 53.164.00        |
|            |            | <b>Tổng tiền:</b> | <b>53.164.00</b> |

**Bằng chữ:** *Năm ba nghìn một trăm sáu mươi tư đồng /.*

**Thanh toán viên**

**Kiểm soát viên**

**Trưởng phòng**

*(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)*

**Biểu số 2.19: Trích sổ Cái TK 515**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
**515 – Doanh thu hoạt động tài chính**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày,<br>ghi số                    | Chứng từ |         | Diễn giải                                    | SHTK<br>đối ứng | Số tiền |               |               |
|------------------------------------|----------|---------|--|-----------------|---------|---------------|---------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |  |                 | Nợ      | Có            |               |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |  |                 |         |               |               |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |  |                 |         |               |               |
| 30/11                              | GBC12    | 30/11   | Ngân hàng ACB trả lãi tiền gửi tháng 11/2010 | 1122            | 53.164  |               |               |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính     | 911             |         | 53.164        |               |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |  |                 |         | <b>53.164</b> | <b>53.164</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |  |                 |         |               |               |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.20: Phiếu chi 105**

|  |   |   |  |  |
|--|---|---|--|--|
| Công ty cổ phần nhựa Hyphen<br>Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP<br>3576795 - 576796   | <b>Mẫu số 02-TT</b><br>(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC<br>ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)                |   |  |  |
| <h2 style="margin: 0;">PHIẾU CHI</h2> <p style="margin: 0;">Số : 105</p> <p style="margin: 0;">Ngày 30 tháng 11 năm 2010</p> <p style="margin: 0; text-align: right;">Nợ TK 635 : 18.500.000</p> <p style="margin: 0; text-align: right;">Có TK 1111 : 18.500.000</p>  |   |   |  |  |
| <p><b>Người nộp tiền:</b> <i>Nguyễn Thị Thu Hà</i>.....</p> <p><b>Địa chỉ:</b> 265 Văn Cao – Hải Phòng.....</p> <p><b>Lý do chi:</b> Thanh toán tiền lãi vay ngoài tháng 11/2010.....</p> <p><b>Số tiền:</b> <b>18.500.000</b>, (Viết bằng chữ): <i>Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn/.</i></p> <p><b>Kèm theo:</b> 01 Giấy ĐNTT.... Chứng từ gốc.</p> |   |   |  |  |
| Ngày 30 tháng 11 năm 2010  |   |   |  |  |
| <p style="text-align: center;"><b>Giám đốc</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i></p>  | <p style="text-align: center;"><b>Kế toán trưởng</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ký, họ tên)</i></p> | <p style="text-align: center;"><b>Người nộp tiền</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ký, họ tên)</i></p> | <p style="text-align: center;"><b>Người lập phiếu</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ký, họ tên)</i></p> | <p style="text-align: center;"><b>Thủ quỹ</b></p> <p style="text-align: center;"><i>(Ký, họ tên)</i></p> |
| <p>Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): <i>Mười tám triệu năm trăm nghìn đồng chẵn/.</i></p> <p>+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....</p> <p>+ Số tiền quy đổi:.....</p>  |   |   |  |  |

*(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)*

**Biểu số 2.21: Trích sổ Cái TK 635**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
Tháng 11 năm 2010  
**635 – Chi phí tài chính**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                                   | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|---|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |   |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |   |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |   |              |            |                   |                   |
| 29/11                              | PC96     | 29/11   | Thanh toán lãi vay ngoài công ty Hoa Phượng | 1111         | 15.693.000 |                   |                   |
| 30/11                              | PC100    | 30/11   | Thanh toán lãi vay ngoài - Minh             | 1111         | 1.440.000  |                   |                   |
| 30/11                              | PC104    | 30/11   | Thanh toán lãi vay ngoài - Chị Hằng         | 1111         | 9.300.000  |                   |                   |
| 30/11                              | PC105    | 30/11   | Thanh toán lãi vay ngoài - Chị Hà           | 1111         | 18.500.000 |                   |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí tài chính                | 911          |            | 44.933.000        |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |   |              |            | <b>44.933.000</b> | <b>44.933.000</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |   |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

### **2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Thu nhập khác: là tài khoản dùng để phản ánh khoản thu nhập khác ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Nội dung của thu nhập khác tại Công ty cổ phần nhựa Hyphen bao gồm:

- + Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- + Tiền thu được do bán phế liệu
- + Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- + Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên

Chi phí khác: là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của Công ty. Các khoản chi phí khác tại Công ty cổ phần nhựa Hyphen bao gồm:

- + Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- + Các khoản chi phí khác

#### *2.2.6.1. Tài khoản sử dụng*

- TK 711: Thu nhập khác
- TK 811: Chi phí khác

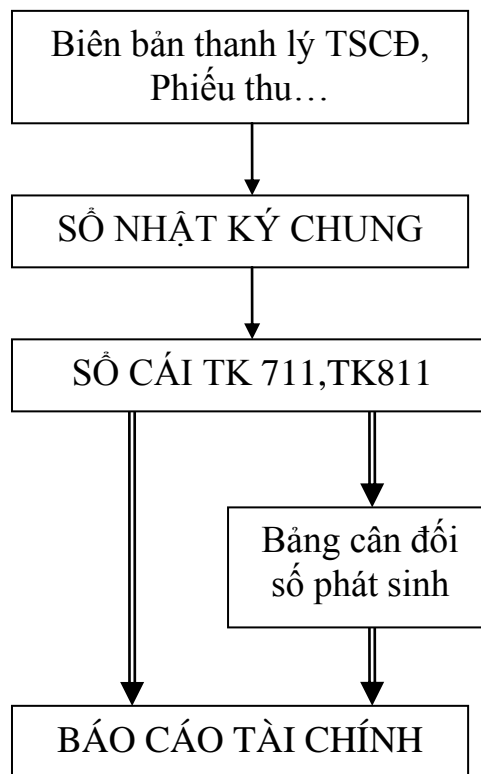
#### *2.2.6.2. Chứng từ và sổ sách sử dụng*

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Sổ nhật ký chung (**Biểu số 2.4**)
- Sổ cái TK 711, TK 811,

#### *2.2.6.3. Quy trình hạch toán*

Khi phát sinh các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến việc thanh lý, nhượng bán TSCĐ, kế toán dựa vào các chứng từ gốc để vào sổ Nhật ký chung, sổ cái TK 711, TK 811.

**Sơ đồ 2.10. Trình tự hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



Ghi chú:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, cuối kỳ  $\Longrightarrow$

*Ví dụ 7:* Ngày 19/11/2010 Công ty nhượng bán một máy cán nhựa cho công ty TNHH Hải Giang. Nguyên giá 35.000.000 đồng, đã khấu hao 24.500.000 đồng. Giá bán của chiếc máy này là 15.750.000 đồng, thuế GTGT 10%. Công ty đã thu bằng tiền mặt.

|            |              |           |              |
|------------|--------------|-----------|--------------|
| Nợ TK 1111 | : 17.325.000 | Nợ TK 214 | : 24.500.000 |
| Có TK 711  | : 15.750.000 | Nợ TK 811 | : 10.500.000 |
| Có TK 3331 | : 1.575.000  | Có TK 211 | : 35.000.000 |

Căn cứ vào phiếu thu số 55, kế toán vào sổ Nhật ký chung (*xem biểu số 2.4*), sau đó vào sổ cái TK 711, TK811

**Biểu số 2.22: Phiếu thu số 55**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP  
3576795 - 576796

**Mẫu số 01-TT**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Số : 55

Ngày 19 tháng 11 năm 2010

Nợ TK 1111 : 17.325.000

Có TK 711 : 15.750.000

Có TK 3331 : 1.575.000

**Người nộp tiền:** *Bùi Đức Long*.....

**Địa chỉ:** Công ty TNHH Hải Giang .....

**Lý do nộp:** Thu tiền nhượng bán máy cán nhựa.....

**Số tiền:** 17.325.000, (Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn/.*

**Kèm theo:** .....Chứng từ gốc.

Ngày 19 tháng 11 năm 2010

|  |  |  |   |                                       |
|--|--|--|---|---------------------------------------|
| <b>Giám đốc</b><br><i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> | <b>Kế toán trưởng</b><br><i>(Ký, họ tên)</i> | <b>Người nộp tiền</b><br><i>(Ký, họ tên)</i> | <b>Người lập phiếu</b><br><i>(Ký, họ tên)</i> | <b>Thủ quỹ</b><br><i>(Ký, họ tên)</i> |
|--|--|--|---|---------------------------------------|

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): *Mười bảy triệu ba trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn/.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (Vàng, bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....

*(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)*

**Biểu số 2.23: Trích sổ Cái TK 711**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**711 – Thu nhập khác**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi sổ                       | Chứng từ |         | Diễn giải                        | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|----------------------------------|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                                  |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                                  |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                                  |              |            |                   |                   |
| 19/11                              | PT55     | 19/11   | Thu tiền nhượng bán máy cán nhựa | 1111         |            | 15.750.000        |                   |
| ....                               | ....     | .....   | .....                            | .....        | .....      | .....             |                   |
| 29/11                              | PT81     | 29/11   | Thu tiền phạt lao động           | 1111         |            | 880.000           |                   |
| 29/11                              | PT98     | 29/11   | Thu tiền bán phế liệu            | 1111         |            | 3.375.000         |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển thu nhập khác         | 911          | 50.148.616 |                   |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                                  |              |            | <b>50.148.616</b> | <b>50.148.616</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                                  |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



**Biểu số 2.24: Trích sổ Cái TK 811**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**  
 Tháng 11 năm 2010  
**811 – Chi phí khác**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi sổ                       | Chứng từ |         | Diễn giải                     | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |                   |
|------------------------------------|----------|---------|-------------------------------|--------------|------------|-------------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                               |              | Nợ         | Có                |                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                               |              |            |                   |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                               |              |            |                   |                   |
| 19/11                              | TSCĐ     | 19/11   | Ghi giảm giá trị máy cán nhựa | 211          | 10.500.000 |                   |                   |
| ....                               | ....     | .....   | .....                         | .....        | .....      | .....             |                   |
| 30/11                              | PX38     | 30/11   | Xuất hủy vật tư               | 152          | 9.943.847  |                   |                   |
| 30/11                              | PX135    | 30/11   | Xuất hủy thành phẩm           | 155          | 4.088.188  |                   |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí khác       | 911          |            | 24.532.035        |                   |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                               |              |            | <b>24.532.035</b> | <b>24.532.035</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                               |              |            |                   |                   |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)  
 (Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

### 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen

Kết quả kinh doanh là kết quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, được biểu hiện bằng số tiền lãi hay lỗ. Kết quả kinh doanh cũng là cơ sở để doanh nghiệp tự đánh giá khả năng sản xuất của kinh doanh, từ đó có những phân tích đúng đắn, hợp lý cho quá trình kinh doanh của mình.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty bao gồm:

\* *Kết quả sản xuất kinh doanh:*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả sản} & & \text{Doanh thu} & & \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí} \\ \text{xuất kinh doanh} & = & \text{thuần} & - & \text{hàng bán} & - & \text{QLDN} \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động tài chính*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Doanh thu hoạt} & & \text{Chi phí} \\ \text{động tài chính} & = & \text{động tài chính} & - & \text{Tài chính} \end{array}$$

\* *Kết quả hoạt động khác*

$$\begin{array}{rcccl} \text{Kết quả hoạt} & & \text{Thu nhập} & & \text{Chi phí} \\ \text{động khác} & = & \text{khác} & - & \text{khác} \end{array}$$

#### 2.2.7.1. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Và các TK khác có liên quan TK 333, TK 511, TK 632...

#### 2.2.7.2. Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung (**Biểu số 2.4**)
- Sổ Cái TK 911, TK 821, TK 421
- Và các sổ kế toán khác có liên quan

#### 2.2.7.3. Nguyên tắc hạch toán

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là các số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711, TK 632, TK 635, TK 642, TK 811. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên có TK 911. Số dư cuối quý, cuối năm của các TK còn lại được kết chuyển vào bên nợ TK 911.

- Sau khi bù trừ hai bên Nợ - Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh như sau:

+ Nếu số tiền dư bên Nợ TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lỗ và số tiền này được kết chuyển sang Nợ TK 421 – “Lợi nhuận chưa phân phối”.

+ Nếu số tiền dư bên Có TK 911, tức là trong quý, năm kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là lãi, số tiền này được kết chuyển sang bên Có TK 421.

➤ *Cụ thể kết quả kinh doanh của công ty trong tháng 11 như sau:*

| Tổng doanh thu, thu nhập |                 | Tổng chi phí |                 |
|--------------------------|-----------------|--------------|-----------------|
| Nợ TK 511                | : 1.634.380.452 | Nợ TK 911    | : 1.708.788.671 |
| Nợ TK 515                | : 53.164        | Có TK 632    | : 1.266.506.346 |
| Nợ TK 711                | : 50.148.616    | Có TK 635    | : 44.933.000    |
| Có TK 911                | : 1.684.582.232 | Có TK 641    | : 98.772.647    |
|                          |                 | Có TK 642    | : 57.568.245    |
|                          |                 | Có TK 811    | : 24.532.035    |

**Biểu số 2.25: Trích sổ Cái TK 911**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Trang 1

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                      | SHTK đối ứng | Số tiền       |                      |
|------------------------------------|----------|---------|--------------------------------|--------------|---------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                                |              | Nợ            | Có                   |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                                |              |               |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                                |              |               |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển doanh thu bán hàng  | 511          |               | 1.634.380.452        |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển doanh thu tài chính | 515          |               | 53.164               |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển thu nhập khác       | 711          |               | 50.148.616           |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển giá vốn hàng bán    | 632          | 1.266.506.346 |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí tài chính   | 635          | 44.933.000    |                      |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                                |              |               | <b>1.311.439.346</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                                |              |               | <b>1.684.582.232</b> |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.25: Trích sổ Cái TK 911**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**911 – Xác định kết quả kinh doanh**

Trang 2

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                     | SHTK đối ứng | Số tiền     |                      |                      |
|------------------------------------|----------|---------|-------------------------------|--------------|-------------|----------------------|----------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                               |              | Nợ          | Có                   |                      |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                               |              |             |                      |                      |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                               |              |             |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí bán hàng   | 641          | 98.772.647  |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí quản lý DN | 642          | 57.568.245  |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí khác       | 811          | 24.532.035  |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí thuế TNDN  | 821          | 45.567.490  |                      |                      |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển lãi trong kỳ       | 421          | 146.702.469 |                      |                      |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                               |              |             | <b>1.684.582.232</b> | <b>1.684.582.232</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                               |              |             |                      |                      |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.26: Trích sổ Cái TK 821**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

**821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày, ghi số                       | Chứng từ |         | Diễn giải                           | SHTK đối ứng | Số tiền    |                   |
|------------------------------------|----------|---------|-------------------------------------|--------------|------------|-------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                                     |              | Nợ         | Có                |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                                     |              |            |                   |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                                     |              |            |                   |
|                                    |          |         |                                     |              |            |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Xác định chi phí thuế TNDN phải nộp | 3334         | 45.567.490 |                   |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển chi phí thuế TNDN        | 911          |            | 45.567.490        |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                                     |              |            | <b>45.567.490</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                                     |              |            | <b>45.567.490</b> |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.27: Trích sổ Cái TK 421**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
3576795 - 576796

**Mẫu số S08-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 11 năm 2010

421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính : Đồng

| Ngày,<br>ghi số                    | Chứng từ |         | Diễn giải      | SHTK<br>đối ứng | Số tiền |                    |
|------------------------------------|----------|---------|----------------|-----------------|---------|--------------------|
|                                    | Số       | Ngày CT |                |                 | Nợ      | Có                 |
| <b>Số dư đầu kỳ</b>                |          |         |                |                 |         |                    |
| <b>Số phát sinh trong tháng 11</b> |          |         |                |                 |         |                    |
|                                    |          |         |                |                 |         |                    |
| 30/11                              | BKQT     | 30/11   | Kết chuyển lãi | 911             |         | 146.702.469        |
|                                    |          |         |                |                 |         |                    |
| <b>Cộng phát sinh tháng 11</b>     |          |         |                |                 |         | <b>146.702.469</b> |
| <b>Số dư cuối kỳ</b>               |          |         |                |                 |         |                    |

Ngày 30 tháng 11 năm 2010

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)  
(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)

**Biểu số 2.28: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
Đường Cát Đá, P Lãm Hà, Kiến An, HP  
3576795 - 576796

**Mẫu số B02-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng

| Chi tiêu   | Mã số | Thuyết minh | Năm nay        | Năm trước      |
|--|-------|-------------|----------------|----------------|
| A  | B     | C           | 1              | 2              |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                    | 1     | VI.25       | 22.364.462.160 | 18.134.468.000 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                              | 2     | VI.26       | 1.843.139.104  | 1.316.659.072  |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=1-2)  | 10    | VI.27       | 20.521.323.056 | 16.817.808.928 |
| 4. Giá vốn hàng bán  | 11    | VI.28       | 15.198.076.152 | 12.766.426.264 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)  | 20    |             | 5.323.246.904  | 4.051.382.664  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                             | 21    | VI.29       | 63.796.800     | 60.628.700     |
| 7. Chi phí tài chính   | 22    | VI.30       | 261.409.398    | 238.930.000    |
| - Trong đó: chi phí lãi vay                                  | 23    |             |                |                |
| 8. Chi phí bán hàng  | 24    |             | 886.452.858    | 861.990.697    |
| 9. Chi phí quản lý kinh doanh                                | 25    |             | 520.615.170    | 506.248.505    |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24) | 30    |             | 3.718.566.278  | 2.504.842.192  |
| 11. Thu nhập khác  | 31    |             | 601.783.392    | 450.204.887    |
| 12. Chi phí khác   | 32    |             | 540.532.035    | 360.910.335    |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32)                                | 40    |             | 61.251.357     | 89.294.552     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)             | 50    |             | 3.779.817.635  | 2.594.136.714  |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành             | 51    | VI.31       | 944.954.409    | 648.534.179    |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                               | 52    | VI.32       |                |                |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)      | 60    |             | 2.832.863.226  | 1.945.602.536  |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                 | 70    |             |                |                |

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

**Người lập biểu**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Trích nguồn số liệu: Phòng Tài chính – Kế toán)



### CHƯƠNG 3

## MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN

### 3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen

#### 3.1.1. Về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty

Công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của Công ty cổ phần nhựa Hyphen. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả, các khoản thu nhập thực tế vào phần phải nộp cho ngân sách Nhà nước, đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp các thông tin cho các cơ quan chức năng, như cơ quan thuế, ngân hàng... cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp, giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh và chiến lược nắm bắt thị trường kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

**Về hình thức sổ kế toán:** Công ty đang áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức ‘sổ nhật ký chung’. Đây là hình thức sổ được áp dụng khá phổ biến. Hình thức sổ kế toán này có nhiều ưu điểm phù hợp với điều kiện kế toán chung của công ty, hạn chế được số lượng sổ sách công kênh, giảm bớt được khối lượng ghi chép, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với khối lượng và trình độ kế toán của công ty.

**Về mô hình kế toán:** Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung. Mọi chứng từ sổ sách đều được tập trung về phòng kế toán chịu sự hướng dẫn kiểm tra trực tiếp từ kế toán trưởng. Mô hình này đảm bảo được sự giám sát kiểm tra của kế toán trưởng và sự lãnh đạo kịp thời của ban giám đốc. Nhìn chung, các số liệu được luân chuyển qua các chứng từ, sổ sách một cách chính xác, rõ ràng và đúng trình tự. Giữa các phòng ban, bộ phận có sự kết hợp chặt chẽ trong việc hoàn chỉnh chứng từ, nhờ đó tạo điều kiện cho công tác theo dõi từng bộ phận có liên quan được thuận lợi.

**Bộ máy quản lý:** Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến - chức năng. Cơ cấu này đảm bảo cho việc xử lý nhanh, linh hoạt và có hiệu quả các vấn đề quản lý phát sinh trong quá trình điều hành.

### **3.1.2 Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

#### *3.1.2.1. Ưu điểm*

Công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một trong những phần hành có ý nghĩa quan trọng. Vì vậy tổ chức hợp lý công tác kế toán này có thể giúp cho người quản lý nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh, từ đó có quyết định đúng đắn nhằm nâng cao sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp. Qua thời gian tìm hiểu thực tập tại công ty, được tiếp cận với thực tế công tác quản lý kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, em nhận thấy công ty cổ phần nhựa Hyphen có những ưu điểm sau:

**Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:** Hệ thống chứng từ đã được xây dựng phù hợp theo đúng mẫu biểu quy định của bộ tài chính. Những thông tin về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi chép đầy đủ, chính xác vào chứng từ, đều có chữ ký của các bên liên quan tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu thực tế với số liệu sổ kế toán. Sau khi hạch toán các chứng từ được lưu trữ cẩn thận theo từng bộ, theo từng khoản mục, trình tự thời gian tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu khi cần thiết.

**Về sổ sách hạch toán:** Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “Nhật ký chung” và phương pháp kê khai thường xuyên các chứng từ gốc các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty.

**Về hệ thống tài khoản:** Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính quy định chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh.

**Về công tác kế toán chi phí hoạt động:** Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

**Về công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh:** Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phân nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

Hiện nay, công ty thực hiện việc lập báo cáo kết quả kinh doanh một năm một lần. Tuy nhiên, sau mỗi tháng hoạt động kinh doanh, kế toán trưởng vẫn tiến hành lập báo cáo về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty trong tháng để trình lên Ban giám đốc. Đây là một điểm tích cực cần phát huy, bởi việc này giúp cho nhà quản lý luôn nắm bắt được tình hình tài chính của công ty cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của công ty. Từ đó đề ra phương hướng, chiến lược phát triển công ty, cũng như đưa ra các quyết định tài chính đúng đắn.

#### *3.1.2.2. Hạn chế*

Bên cạnh những ưu điểm thì Công ty cũng còn có những hạn chế còn tồn tại cần phải hoàn thiện hơn nữa trong công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**Về việc sử dụng phần mềm kế toán:** Công ty cổ phần nhựa Hyphen là công ty chuyên kinh doanh các mặt hàng về áo mưa và đồ dùng văn phòng phẩm. Các mặt hàng này rất đa dạng, phong phú về chủng loại do đó rất dễ gây nhầm lẫn trong quá trình hạch toán. Trong trường hợp này, hình thức kế toán máy sẽ đem lại hiệu quả cao hơn cho công tác kế toán tại công ty nhưng công ty lại chưa áp dụng.

**Về nhân sự phòng kế toán:** Số lượng nhân viên tại phòng kế toán của công ty quá ít trong khi khối lượng công việc kế toán lại quá nhiều. Điều đó ảnh hưởng rất lớn tới tính kịp thời của các báo cáo kế toán cũng như việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty về kết quả kinh doanh và chi phí sản xuất.

**Về sổ sách hạch toán:** Công ty chưa mở đầy đủ các loại sổ sách đúng như Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng bộ tài chính. Cụ thể, hiện nay công ty chưa mở các sổ nhật ký bán hàng dẫn đến khó khăn trong việc theo dõi, kiểm tra, đối chiếu khi cần thiết.

**Về phương thức thanh toán:** Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán đó là tiền mặt và chuyển khoản. Nhưng chủ yếu công ty sử dụng thanh toán nhiều bằng tiền mặt, điều này ảnh hưởng đến khả năng sinh lời của tiền.

**Về việc theo dõi khả năng thanh toán của khách hàng:** Công ty không trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi để tránh những rủi ro. Đây là một hạn chế đối với công ty là một doanh nghiệp sản xuất với quy mô lớn nên các khoản phải thu khách hàng là khá lớn mà việc thanh toán của các khách hàng đôi khi còn rất chậm. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần lớn tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán. Điều đó càng làm cho vốn kinh doanh của Công ty quay vòng chậm và ngày càng bị chiếm dụng và bị ứ đọng vốn.

### **3.2. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

#### **3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Kế toán được xem là một công cụ quản lý kinh tế - tài chính quan trọng trong mọi chế độ kinh tế xã hội, nó có vai trò tích cực trong việc quản lý, điều hành và kiểm tra các hoạt động kinh tế của nhà nước cũng như của bản thân mỗi doanh nghiệp. Khi nền kinh tế càng phát triển thì chức năng và yêu cầu của kế toán ngày càng được mở rộng và nâng cao.

Công ty cổ phần nhựa Hyphen đã có một đội ngũ kế toán đồng đều về trình độ, luôn đoàn kết thống nhất với nhau để hoàn thiện tốt nhiệm vụ của mình, cung cấp đầy đủ thông tin cho bộ phận quản lý, góp phần không nhỏ vào sự phát triển của công ty. Tuy nhiên những tồn tại là tất yếu không thể tránh khỏi trong bất kỳ một bộ phận nào. Do vậy yêu cầu hoàn thiện luôn được đặt ra đối với tất cả các nhân viên trong công ty.

Bộ phận kế toán là bộ phận quan trọng không thể thiếu trong bất cứ doanh nghiệp nào. Bộ phận này có nhiệm vụ thu thập, tổng hợp, xử lý và cung cấp thông

tin hữu ích cho toàn doanh nghiệp. Do đó nó ngày càng phải được hoàn thiện để đáp ứng tốt với sự thay đổi của doanh nghiệp, chế độ kế toán để công tác kế toán luôn là người hỗ trợ đắc lực cho lãnh đạo công ty, cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là phần hành kế toán quan trọng nhất, nó xác định toàn bộ nỗ lực của doanh nghiệp từ khâu mua các yếu tố đầu vào cho sản xuất đến khâu tổ chức sản xuất và tiêu thụ. Vì vậy yêu cầu hạch toán đúng, đầy đủ theo đúng chế độ kế toán hiện hành được đặt ra cao hơn so với các phần hành khác vì mỗi phần hành nhỏ trong quy trình hạch toán lại ảnh hưởng đến kết quả chung của toàn bộ doanh nghiệp.

Hạch toán đúng phần hành này không những xác định đúng kết quả cho doanh nghiệp đã đạt được trong kỳ mà còn có tác dụng nâng cao hiệu quả lao động của các bộ phận trong công ty bởi thông tin kế toán là những thông tin tổng hợp, nó tác động đến tất cả các hoạt động của công ty.

### **3.2.2. Yêu cầu của hoàn thiện**

Phương hướng hoàn thiện kế toán nói chung, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn đạt hiệu quả thì phải đáp ứng được các yêu cầu sau:

Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán, Mỗi quốc gia đều phải có một cơ chế quản lý tài chính và xây dựng một hệ thống kế toán thống nhất phù hợp với cơ chế tài chính. Việc tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế cụ thể được phép vận dụng và cải tiến chứ không bắt buộc phải dập khuôn hoàn toàn theo chế độ nhưng trong khuôn khổ phải tôn trọng chhes độ, tôn trọng cơ chế.

Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hệ thống chuẩn mực kế toán nhưng được quyền sửa đổi trong một phạm vi nhất định cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi và đem lại hiệu quả.

### **3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen**

Sau thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại công ty cổ phần nhựa Hyphen, dưới góc độ là một sinh viên em xin mạnh dạn đưa ra một vài ý kiến nhỏ về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. Ý kiến mà em đề xuất dưới đây có thể chưa được tốt nhất, song em hy vọng sẽ đóng góp phần nào vào việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty và giúp cho công tác kế toán này phù hợp hơn với chế độ quy định.

#### ***Ý kiến 1: Ứng dụng phần mềm kế toán máy***

Hiện nay, công ty vẫn sử dụng kế toán trên word và Excel. Để đảm bảo cho quá trình cập nhật số liệu, cung cấp thông tin được nhanh chóng, chính xác, và giảm bớt đi phần việc của kế toán công ty nên sử dụng phần mềm kế toán máy.

+ Việc áp dụng phần mềm kế toán là hoàn toàn có thể thực hiện tại doanh nghiệp. Việc áp dụng phần mềm kế toán nhằm giảm bớt các nghiệp vụ trùng lặp, gây mất thời gian và giảm bớt gánh nặng cho các kế toán viên, góp phần hiện đại hoá công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng theo em nghĩ với thời đại công nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp. Các phần mềm kế toán đang được nhiều Công ty sử dụng hiện nay như:

- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

+ Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau:

- Việc tổ chức ghi chép hạch toán vào sổ kế toán tài chính, kế toán quản trị, máy tính nhận số liệu do kế toán viên nhập các chứng từ liên quan vào.

- Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý và hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, người sử dụng máy sẽ khai báo với những yêu cầu cần thiết( sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin yêu cầu.

### ***Ý kiến 2: Tuyển thêm nhân viên kế toán***

Số lượng nhân viên kế toán của công ty hiện nay còn thiếu so với quy mô và số lượng công việc thực tế đòi hỏi. Mặc dù các nhân viên kế toán đều là những cán bộ trẻ, năng động có trình độ chuyên môn, luôn hoàn thành nhiệm vụ của mình, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp phát triển chung của công ty. Bên cạnh đó, đôi khi kế toán công nợ còn phải phụ trách công việc tính lương cho công nhân. Do đó công việc nhiều lúc bị dồn đống quá tải. Vì vậy việc cung cấp các thông tin cần thiết cho ban giám đốc công ty sẽ không đảm bảo về mặt thời gian cũng như độ chính xác. Do đó yêu cầu cấp thiết đặt ra cho công ty hiện nay là phải tuyển thêm nhân viên kế toán. Bởi vì khi số lượng nhân viên kế toán được bổ sung, khối lượng sẽ được phân công theo chuyên môn của từng nhân viên. Như vậy sẽ đảm bảo cho chất lượng cũng như tiến độ của công việc yêu cầu.

### ***Ý kiến 3: Hoàn thiện tổ chức sổ kế toán***

Trong quá trình thực hiện công tác kế toán bán hàng hoá, kế toán công ty không sử dụng sổ Nhật ký bán hàng. Vì vậy, sẽ không có tài liệu sổ sách để đối chiếu với các sổ chi tiết cũng như sổ Cái về doanh thu bán hàng hoá. Do đó, kế toán nên mở thêm sổ Nhật ký bán hàng để theo dõi riêng biệt hàng hoá bán ra, điều này hoàn toàn phù hợp với chế độ kế toán, vừa khoa học lại vừa hợp lý ngoài ra còn đảm bảo được tính chính xác đối với các nghiệp vụ phát sinh trong quá trình bán hàng.

Mục đích của sổ Nhật ký bán hàng là dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng của doanh nghiệp như: Bán hàng hoá, bán thành phẩm, cung cấp dịch vụ.

Sổ Nhật ký bán hàng dùng để ghi chép các nghiệp vụ bán hàng theo hình thức thu tiền sau (bán chịu) hoặc trường hợp khi người mua ứng tiền trước.

Công ty có thể tham khảo mẫu sổ nhật ký bán hàng như sau:

**Biểu số 3.1: Mẫu sổ Nhật ký bán hàng**

Công ty cổ phần nhựa Hyphen  
 Đường Cát Đá - P Lãm Hà - Kiến An - Hải Phòng  
 3576795 - 576796

**Mẫu số S03a4-DN**  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**

Năm .....

| Ngày,<br>tháng | Chứng từ |                | Diễn giải                  | Phải thu từ<br>người mua<br>(ghi nợ) | Ghi Có tài khoản doanh thu |                   |                   |
|----------------|----------|----------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------------------|-------------------|-------------------|
|                | Số hiệu  | Ngày,<br>tháng |                            |                                      | Áo mưa                     | Văn phòng<br>phẩm | Bán thành<br>phẩm |
| A              | B        | C              | D                          | 1                                    | 2                          | 3                 | 4                 |
|                |          |                | Số trang trước chuyển sang |                                      |                            |                   |                   |
|                |          |                |                            |                                      |                            |                   |                   |
|                |          |                |                            |                                      |                            |                   |                   |
|                |          |                |                            |                                      |                            |                   |                   |
|                |          |                | Cộng chuyển sang trang sau |                                      |                            |                   |                   |

Ngày.....tháng.....năm.....

**Người ghi sổ**  
 (Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
 (Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)



***Ý kiến 4: Hoàn thiện phương thức thanh toán***

Công ty áp dụng hai phương thức thanh toán: tiền mặt và chuyển khoản. Trong đó, phương thức thanh toán chuyển khoản nên được sử dụng nhiều hơn cả.

Phương thức thanh toán bằng tiền mặt công ty chỉ nên áp dụng đối với phương thức bán lẻ cho các cửa hàng. Vì các cửa hàng này không lấy thường xuyên tại công ty, số tiền ít nên chỉ phù hợp với phương thức thanh toán bằng tiền mặt, thu tiền ngay.

Còn phương thức thanh toán chuyển khoản nên được công ty sử dụng nhiều hơn trong phương thức bán buôn với lượng hàng lớn. Vì phương thức bán buôn thường là những đơn hàng trị giá lớn nên thanh toán chuyển khoản giúp công ty kiểm soát được luồng tiền của mình, tránh được các rủi ro như tiền giả, mất mát...

***Ý kiến 5: Lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi***

Do phương thức bán hàng thực tế tại Công ty cổ phần nhựa Hyphen có nhiều trường hợp khách hàng chịu tiền hàng. Bên cạnh đó việc thu tiền hàng gặp khó khăn và tình trạng này ảnh hưởng không nhỏ đến việc giảm doanh thu của Doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty nên tính toán các khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

➤ *Đối tượng và điều kiện lập dự phòng phải thu khó đòi:*

- Khoản nợ phải có chứng từ gốc, có đối chiếu xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ, bao gồm: hợp đồng kinh tế, khế ước vay nợ, bản thanh lý hợp đồng, cam kết nợ, đối chiếu công nợ và các chứng từ khác.
- Các khoản không đủ căn cứ xác định là nợ phải thu theo quy định này phải xử lý như một khoản tổn thất.
- Căn cứ xác định là khoản nợ phải thu khó đòi:
  - + Nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ khác.
  - + Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế (các công ty, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã, tổ chức tín dụng ...) đã lâm vào tình trạng phá

sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

- Những khoản nợ quá hạn từ 3 năm trở lên coi như nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý theo quy định dưới đây.

➤ *Phương pháp lập dự phòng:*

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi nói trên. Trong đó:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

+ 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

+ 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

+ 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

- Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án... thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng.

- Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

➤ *Xử lý khoản dự phòng:* Khi các khoản nợ phải thu được xác định khó đòi, doanh nghiệp phải trích lập dự phòng theo các quy định tại điểm nêu trên;

- Nếu số dự phòng phải trích lập bằng số dư dự phòng nợ phải thu khó, thì doanh nghiệp không phải trích lập;

- Nếu số dự phòng phải trích lập cao hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải trích thêm vào chi phí quản lý doanh nghiệp phần chênh lệch;

- Nếu số dự phòng phải trích lập thấp hơn số dư khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, thì doanh nghiệp phải hoàn nhập phần chênh lệch vào thu nhập khác.

➤ *Xử lý tài chính các khoản nợ không có khả năng thu hồi:*

Nợ phải thu không có khả năng thu hồi bao gồm các khoản nợ sau:

- Đối với tổ chức kinh tế:

+ Khách nợ đã giải thể, phá sản: quyết định của Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo Luật phá sản hoặc quyết định của người có thẩm quyền về giải thể đối với doanh nghiệp nợ, trường hợp tự giải thể thì có thông báo của đơn vị hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập đơn vị, tổ chức.

+ Khách nợ đã ngừng hoạt động và không có khả năng chi trả: xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc tổ chức đăng ký kinh doanh về việc doanh nghiệp, tổ chức đã ngừng hoạt động không có khả năng thanh toán.

- Đối với cá nhân phải có một trong các tài liệu sau:

+ Giấy chứng từ (bản sao) hoặc xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết nhưng không có tài sản thừa kế để trả nợ.

+ Giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ còn sống hoặc đã mất tích nhưng không có khả năng trả nợ.

+ Lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với người nợ đã bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, đang thi hành án hoặc xác nhận của chính quyền địa phương về việc khách nợ hoặc người thừa kế không có khả năng chi trả.

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý xóa nợ không thu hồi được của doanh nghiệp (nếu có).

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn 3 năm trở lên mà không đủ chứng từ, tài liệu chứng minh theo quy định thì lập Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp để xem xét, xử lý theo quy định tại khoản này.

➤ *Xử lý tài chính:*

Tồn thất thực tế của từng khoản nợ không thu hồi được khoản chênh lệch giữa nợ phải thu ghi trên sổ kế toán và số tiền đã thu hồi được (do người gây ra thiệt hại đền bù, do phát mại tài sản của đơn vị nợ hoặc người nợ, do được chia tài sản theo quyết định của tòa án hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác).

Giá trị tồn thất thực tế của khoản nợ không có khả năng thu hồi, doanh nghiệp sử dụng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi, quỹ dự phòng tài chính (nếu có) để bù đắp, phần chênh lệch thiếu hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải thu sau khi đã có quyết định xử lý, doanh nghiệp phải theo dõi riêng trên sổ kế toán và ngoại bảng cân đối kế toán trong thời hạn tối thiểu là 5 năm và tiếp tục có các biện pháp để thu hồi nợ. Nếu thu hồi được nợ thì số tiền thu hồi sau khi trừ các chi phí có liên quan đến việc thu hồi nợ, doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập khác.

➤ *Khi xử lý khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi doanh nghiệp phải lập hồ sơ sau:*

- Biên bản của Hội đồng xử lý nợ của doanh nghiệp. Trong đó ghi rõ giá trị của từng khoản nợ phải thu, giá trị nợ đã thu hồi được, giá trị thiệt hại thực tế (sau khi đã trừ đi các khoản thu hồi được).

- Bảng kê chi tiết các khoản nợ phải thu đã xóa để làm căn cứ hạch toán, biên bản đối chiếu nợ được chủ nợ và khách nợ xác nhận hoặc Bản thanh lý hợp đồng kinh tế hoặc xác nhận của cơ quan quyết định thành lập doanh nghiệp, tổ chức hoặc các tài liệu khách quan khác chứng minh được số nợ tồn đọng và các giấy tờ tài liệu liên quan.

- Sổ kế toán, chứng từ, tài liệu chứng minh khoản nợ chưa thu hồi được, đến thời điểm xử lý nợ doanh nghiệp đang hạch toán nợ phải thu trên sổ kế toán của doanh nghiệp.

➤ *Thẩm quyền xử lý nợ:*

Hội đồng quản trị (đối với doanh nghiệp có Hội đồng quản trị) hoặc Hội đồng thành viên (đối với doanh nghiệp có Hội đồng thành viên); Tổng giám đốc, Giám đốc (đối với doanh nghiệp không có Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên) hoặc chủ doanh nghiệp căn cứ vào Biên bản của Hội đồng xử lý, các bằng chứng liên quan đến các khoản nợ để quyết định xử lý những khoản nợ phải thu không thu hồi được và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật, đồng thời thực hiện các biện pháp xử lý trách nhiệm theo chế độ hiện hành.

➤ *Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:*

- *Tài khoản sử dụng :*

TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Kết cấu:

+ Bên nợ: - Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi

- Xoá các khoản nợ phải thu khó đòi.

+ Bên có: Số dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Dư có: Số dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi hiện có cuối kỳ

Cuối kỳ kế toán năm hoặc cuối kỳ kế toán giữa niên độ (đối với doanh nghiệp có lập báo cáo tài chính giữa niên độ), doanh nghiệp căn cứ các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi), kế toán tính, xác định số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập hoặc hoàn nhập.

- *Hạch toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu*

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch lớn hơn được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết, thì số chênh lệch được hoàn nhập ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Trong niên độ kế toán sau, khi đơn vị xác định các khoản nợ phải thu khó đòi thực sự là không đòi được được phép xoá nợ. Việc xoá khoản nợ phải thu khó đòi phải theo chính sách tài chính hiện hành. Căn cứ vào quyết định xoá nợ về các khoản nợ phải thu khó đòi, ghi:

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ TK 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131 - Phải thu khách hàng

Có TK 138 - Phải thu khác

Đồng thời ghi vào bên Nợ TK 004 “ Nợ khó đòi đã xử lý” (Tài khoản ngoài bảng cân đối kế toán)

+ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi lại được nợ, kế toán căn cứ vào giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được

Nợ TK 111, 112...

Có TK 711 - Thu nhập khác đồng thời ghi đơn vào bên có TK 004

Đơn vị có thể bán các khoản nợ phải thu khó đòi cho Công ty mua, bán nợ. Khi các doanh nghiệp hoàn thành thủ tục bán các khoản nợ phải thu (đang phản ánh trên bảng cân đối kế toán) cho công ty mua, bán nợ và thu được từ tiền.

Nợ TK 111,112...

Nợ TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi

Nợ các TK liên quan (số chênh lệch)

Có TK 131,138..

## **KẾT LUẬN**

Trong điều kiện hiện nay, cạnh tranh trên thị trường diễn ra ngày càng gay gắt, kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Trong quá trình thực tập tại Công ty cổ phần nhựa Hyphen, em nhận thấy công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở ông ty thực hiện khá đầy đủ, đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định và đảm bảo cung cấp thông tin theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Cuối cùng, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới các thầy cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh nói chung và ngành Kế toán - Kiểm toán trường Đại học Dân lập Hải Phòng nói riêng, cũng như xin gửi lời cảm ơn chân thành đến thầy giáo - Tiến sĩ Lê Văn Liên đã tận tình chỉ bảo, và đặc biệt cảm ơn tới các cô chú, anh chị phòng kế toán của công ty cổ phần nhựa Hyphen đã giúp đỡ em hoàn thành đợt thực tập cũng như bài khóa luận này. Tuy nhiên, do thời gian hạn hẹp và hiểu biết còn hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi khiếm khuyết. Em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của thầy cô để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, Ngày 28 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

***Phạm Thị Lý***

**BẢNG DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

| <i>STT</i> | <i>Ký hiệu viết tắt</i> | <i>Chữ viết tắt</i>        |
|------------|-------------------------|----------------------------|
| 1          | BHTN                    | Bảo hiểm thất nghiệp       |
| 2          | BHXH                    | Bảo hiểm xã hội            |
| 3          | BHYT                    | Bảo hiểm y tế              |
| 4          | CKTM                    | Chiết khấu thương mại      |
| 5          | DTT                     | Doanh thu thuần            |
| 6          | HD GTGT                 | Hóa đơn Giá trị gia tăng   |
| 7          | KPCĐ                    | Kinh phí công đoàn         |
| 8          | PX                      | Phiếu xuất                 |
| 9          | SCT                     | Sổ chi tiết                |
| 10         | SHTK                    | Số hiệu tài khoản          |
| 11         | Thuế GTGT               | Thuế Giá trị gia tăng      |
| 12         | Thuế TNDN               | Thuế Thu nhập doanh nghiệp |
| 13         | Thuế TTĐB               | Thuế Tiêu thụ đặc biệt     |
| 14         | Thuế XK                 | Thuế Xuất khẩu             |
| 15         | TNHH                    | Trách nhiệm hữu hạn        |
| 16         | TK                      | Tài khoản                  |
| 17         | TSCĐ                    | Tài sản cố định            |
| 18         | VPP                     | Văn phòng phẩm             |



## DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 1:  
Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp Quyển 2:  
Ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính – Nhà xuất bản Lao động xã hội - Năm 2006.
3. Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính TS Nguyễn Văn Công - Nhà xuất bản Tài Chính - Năm 2006.
4. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam
5. Website: Webketoan. com  
Website: Tapchiketoan. com.
6. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty cổ phần nhựa Hyphen cung cấp.
7. Các bài khóa luận tốt nghiệp năm 2010 của sinh viên trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

## MỤC LỤC

|   |           |
|---|-----------|
| <b>LỜI NÓI ĐẦU .....</b>  | <b>1</b>  |
| <b>CHƯƠNG 1: NHỮNG LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>                           | <b>10</b> |
| 1.1. Khái quát chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....   | 10        |
| 1.1.1. Những vấn đề cơ bản về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong doanh nghiệp .....   | 10        |
| 1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp.....   | 17        |
| 1.1.3. Xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp .....   | 19        |
| 1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....  | 20        |
| 1.2.1. Vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....   | 20        |
| 1.2.2. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ..  | 21        |
| 1.3. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên ..... | 22        |
| 1.3.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....  | 22        |
| 1.3.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....  | 26        |
| 1.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....  | 29        |
| 1.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp .....   | 32        |
| 1.3.5. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính.....  | 35        |
| 1.3.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....  | 38        |
| 1.3.7. Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.....  | 40        |
| 1.3.8. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....   | 43        |
| 1.4. Tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ ..         | 46        |

|   |            |
|---|------------|
| 1.4.1. Chứng từ sử dụng .....   | 46         |
| 1.4.2. Tài khoản sử dụng .....  | 46         |
| 1.4.3. Sổ sách sử dụng .....  | 46         |
| 1.5. Các hình thức tổ chức kế toán trong doanh nghiệp.....  | 48         |
| <b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN .....</b>                    | <b>52</b>  |
| 2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần nhựa Hyphen .....   | 52         |
| 2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty cổ phần nhựa Hyphen.....  | 52         |
| 2.1.2. Đặc điểm sản xuất của công ty cổ phần nhựa Hyphen .....  | 54         |
| 2.1.3. Những thuận lợi và khó khăn của công ty cổ phần nhựa Hyphen trong quá trình hoạt động .....  | 55         |
| 2.1.4. Mô hình tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần nhựa Hyphen.....  | 56         |
| 2.1.5. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty cổ phần nhựa Hyphen .....  | 58         |
| 2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.....   | 61         |
| 2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng tại công ty cổ phần nhựa Hyphen .....   | 61         |
| 2.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại công ty cổ phần nhựa Hyphen ....  | 73         |
| 2.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán tại công ty cổ phần Nhựa Hyphen.....  | 77         |
| 2.2.4. Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty cổ phần nhựa Hyphen .....   | 82         |
| 2.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.....  | 88         |
| 2.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại công ty cổ phần nhựa Hyphen ....   | 93         |
| 2.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.....   | 98         |
| <b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA HYPHEN .....</b> | <b>105</b> |
| 3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.....                                   | 105        |

|  |            |
|--|------------|
| 3.1.1. Về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty.....  | 105        |
| 3.1.2 Về công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen.....                                       | 106        |
| 3.2. Sự cần thiết và yêu cầu hoàn thiện công tác tổ chức kế toán Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen ..... | 108        |
| 3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện .....  | 108        |
| 3.2.2. Yêu cầu của hoàn thiện .....  | 109        |
| 3.3 Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần nhựa Hyphen .....       | 110        |
| <b>KẾT LUẬN .....</b>  | <b>119</b> |